

Quý giới thiệu trong Bản Cáo Bạch này đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ ("Giấy Chứng Nhận") bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước ("SSC") của Việt Nam. Giấy Chứng Nhận này chỉ hàm ý sự đăng ký thành lập quỹ và phát hành Chứng Chỉ Quỹ đã được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và không hàm ý rằng SSC cung cấp bất kỳ sự bảo đảm, xác nhận hoặc bảo lãnh nào về nội dung của Bản Cáo Bạch, mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quý.

Quý giới thiệu trong Bản Cáo Bạch này được thành lập theo Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản Cáo Bạch này đã được đăng ký với SSC.

Bản Cáo Bạch cung cấp các thông tin chính xác về Quý mà nhà đầu tư tiềm năng nên biết trước khi đầu tư. Nhà đầu tư nên lưu lại Bản Cáo Bạch này cho mục đích tham chiếu trong tương lai. Nhà đầu tư cũng cần cập nhật bất kỳ thay đổi nào của Bản Cáo Bạch sau ngày công bố. Các nhà đầu tư nên đọc các tài liệu bổ sung như Điều Lệ Quỹ và báo cáo hoạt động của Quý (khi Quý đã đi vào hoạt động) trước khi quyết định đầu tư.

Bản Cáo Bạch

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF (VCBF-FIF)

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng số 24/GCN-UBCK

Ngày đăng ký Bản cáo bạch: 09/8/2021

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH:

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3936 4540 Fax: (84-24) 3936 4542
- Email: Investor@vebf.com hoặc NhaDauTu@vebf.com
- Website: www.vebf.com

Chi nhánh TPHCM

- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại (84-28) 3 8270 750 Fax: (84-28) 3 8270 751

NƠI CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH:

Bản Cáo Bạch cập nhật nhất cùng các tài liệu của Quý (báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, Điều Lệ Quỹ và các tài liệu cần thiết khác) được cung cấp trên trang điện tử của VCBF, www.vebf.com, tại các văn phòng của VCBF và các Đại Lý Phân Phối như danh sách trong Phụ Lục 1 của Bản Cáo Bạch này.

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông Phạm Ngọc Ninh

Chức vụ: Trưởng Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ kiêm Trưởng phòng Pháp chế—
VCBF

THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

Các nhà đầu tư nên nghiên cứu Bản Cáo Bạch này một cách cẩn trọng và toàn diện và không nên coi nội dung hoặc các tóm tắt ở đây là các tư vấn liên quan đến pháp lý, thuế, hoặc tài chính/đầu tư và nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn của mình về các yêu cầu pháp lý hoặc các điều kiện hoặc bất kỳ các hạn chế nào khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (chuyển nhượng, chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ, việc xử lý khoản thu nhập (nếu có), lợi nhuận đầu tư, hoặc các khoản phân phối lợi nhuận, các khoản thuế khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (bán, chuyển giao, chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ trong phạm vi lãnh thổ tài phán áp dụng đối với quốc tịch, nơi cư trú của mình hoặc theo luật pháp của bất kỳ quốc gia hay lãnh thổ nào áp dụng cho nhà đầu tư hoặc bất kỳ quỹ được quản lý nào được sử dụng để mua Đơn Vị Quỹ, và xác định các vấn đề có thể phát sinh liên quan đến pháp lý, thuế, tài chính hay các vấn đề khác từ việc mua và nắm giữ Đơn Vị Quỹ trước khi quyết định đăng ký mua Đơn Vị Quỹ.

Bản Cáo Bạch này và Các Đơn Vị Quỹ chưa được đăng ký ở bất kỳ lãnh thổ tài phán nào ngoài Việt Nam. Việc công bố Bản Cáo Bạch này tại một số lãnh thổ tài phán có thể bị hạn chế hoặc phải tuân thủ các yêu cầu về đăng ký. Theo đó ở một số nước, người đọc Bản Cáo Bạch cần phải hiểu và phải tuân thủ các hạn chế đó. Người nhận được Bản Cáo Bạch này hoặc bất kỳ Đơn Đăng Ký nào tại lãnh thổ tài phán nói trên không được coi Bản Cáo Bạch này hay Đơn Đăng Ký cấu thành bản chào mua Đơn Vị Quỹ hay sử dụng Đơn Đăng Ký trong bất kỳ trường hợp nào, trừ khi tại lãnh thổ tài phán đó bản chào như thế tới họ có thể được coi là hợp pháp và Đơn Đăng Ký có thể được sử dụng một cách hợp pháp mà không cần phải tuân thủ bất kỳ yêu cầu đăng ký hoặc yêu cầu pháp lý nào khác.

Không người nào được ủy quyền để cung cấp bất kỳ thông tin hoặc đưa ra bất kỳ tuyên bố nào không được xác nhận trong Bản Cáo Bạch này liên quan đến đợt phát hành này hay việc phát hành các Đơn Vị Quỹ, và bất kỳ thông tin hoặc tuyên bố nào không có trong Bản Cáo Bạch này không được coi như là đã được phê duyệt bởi VCBF. Nhà đầu tư được yêu cầu phải kiểm tra các thông tin về uy tín của cá nhân/công ty mà mình ủy thác Đơn Đăng Ký và ủy thác thanh toán cho bất kỳ giao dịch nào với Quỹ. Quỹ hoặc VCBF không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hành vi được thực hiện bởi các tổ chức trung gian đại diện cho hoặc được cho là đại diện cho nhà đầu tư đó.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	5
2. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	5
3. tư vấn pháp lý.....	5
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	6
III. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	9
1. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ.....	9
2. TÓM TẮT các ĐIỀU KHOẢN giao dịch CHỨNG CHỈ quỹ.....	10
IV. CÁC RỦI RO LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐẦU TƯ VÀO QUỸ.....	12
V. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	19
VI. CÁC MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ GIỚI HẠN ĐẦU TƯ CHUNG.....	21
1. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ.....	21
2. Chính sách đầu tư.....	21
3. CÁC HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	22
VII. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ QUỸ.....	25
1. Tên Và Loại Hình CỦA Quỹ.....	25
2. Mục Tiêu Đầu Tư.....	25
3. Phân BỐ Tài Sản.....	25
4. Chiến Lược Đầu Tư Và Phương Pháp Lựa Chọn Các Khoản Đầu Tư.....	25
5. Điều chỉnh Mục Tiêu Đầu Tư, Phân BỐ Tài Sản Và Chiến Lược Đầu Tư.....	26
6. Các Rủi Ro Chủ Yếu.....	26
7. Vòng Quay Danh Mục.....	26
8. Kết quả hoạt động.....	26
9. Lợi nhuận tham chiếu.....	26
VIII. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....	26
IX. CHI TIẾT ĐỢT PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG (IPO).....	28
X. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	28
1. NGÀY GIAO DỊCH.....	28
2. thời điểm ĐÓNG SỔ LỆNH.....	28
3. Giao dịch MUỘN VÀ chỌN thời điểm GIAO DỊCH.....	29
4. mua đơn vị QUỸ.....	29
5. BÁN ĐƠN VỊ QUỸ.....	33
6. chuyển đổi quỹ.....	35
7. CHUYỂN nhượng PHI THƯƠNG MẠI ĐƠN VỊ QUỸ.....	37
8. HỦY LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ.....	37
9. TẠM DỨNG THỰC HIỆN CÁC LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ.....	37
10. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ (SIP).....	38
XI. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN.....	41
1. xác định giá trị tài sản Rộng.....	41
2. NGÀY ĐỊNH GIÁ.....	42
3. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN.....	42
XII. CÁC LOẠI GIÁ DỊCH VỤ VÀ CHI PHÍ.....	48
1. Giá Dịch vụ Giao Dịch.....	48
2. CHI PHÍ ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ QUỸ.....	49
XIII. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ 51	
1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	51
2. Các Bên Liên Doanh CỦA VCBF.....	55
3. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	56

4. NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ.....	57
XIV. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	60
XV. THUẾ.....	61
XVI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	62
1. BÁO CÁO CHO NHÀ ĐẦU TƯ.....	62
2. BÁO CÁO QUỸ.....	62
3. BÁO CÁO BẤT THƯỜNG.....	63
4. GỬI BÁO CÁO.....	63
XVII. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ.....	63
XVIII. CƠ SỞ PHÁP LÝ.....	69
XIX. LIÊN LẠC.....	70
XX. CAM KẾT.....	71

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (“VCBF”)

Ông Avinash Deepak Satwalekar

Chủ tịch

Ông Vũ Quang Đông

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Băng Tâm

Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã được điều tra, thu thập một cách hợp lý. Tuy vậy, thông tin trong Bản Cáo Bạch này chưa được thẩm định bởi bất kỳ bên nào khác ngoại trừ như được đề cập tại Bản Cáo Bạch này.

2. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Đại diện theo pháp luật: Bà Michele Wee Sung San

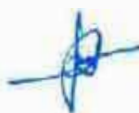
Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank lập. Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ VCBF-FIF xác nhận các thông tin có liên quan đến ngân hàng giám sát trong Bản cáo bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ giữa chúng tôi với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank, là công ty quản lý quỹ của Quỹ VCBF-FIF và theo quy định pháp luật.

3. TƯ VẤN PHÁP LÝ

Công ty luật TNHH Baker & McKenzie (Việt Nam) - Chi Nhánh Hà Nội

Baker & McKenzie là tư vấn pháp lý cho Công Ty Quản Lý Quỹ liên quan đến việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ. Nhà đầu tư tiềm năng cần tham khảo ý kiến tư vấn từ luật sư của chính họ.



II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“AML”	nghĩa là phòng chống rửa tiền.
“Bản Cáo Bạch”	có nghĩa là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ ra công chúng..
“Ban Đại Diện Quỹ” hay “BĐDQ”	có nghĩa là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra và đại diện cho Nhà đầu tư để giám sát hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Chứng Chỉ Quỹ”	là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
“Cổ Túc của Quỹ”	là các khoản lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ mà Quỹ phân phối cho Nhà đầu tư tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ, và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
“Công ty Quản Lý Quỹ” hoặc “CTQLQ” hoặc “VCBF”	có nghĩa là Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank, được thành lập theo giấy phép lần đầu số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, đáp ứng các tiêu chuẩn như nêu tại Điều lệ Quỹ.
“Đại lý Chuyển Nhượng”	là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam như mô tả tại Mục XIII.4.6.1 của Bản Cáo Bạch này do Công Ty Quản Lý Quỹ uỷ quyền quản lý Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư của Quỹ.
“Đại Lý Phân Phối”	Là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ và/hoặc công ty quản lý quỹ
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	là cuộc họp của các Nhà đầu tư của Quỹ được tổ chức định kỳ hay bất thường để thông qua các vấn đề của Quỹ cần có sự quyết định của Nhà đầu tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.
“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các nhà đầu tư như quy định tại Mục XIII.4.2 và Phụ Lục I của Bản Cáo Bạch.
“Điều Lệ”	là điều lệ, các phụ lục kèm và các sửa đổi hợp pháp (nếu có) được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua vào từng thời điểm và áp dụng cho Quỹ..
“Đơn Đăng Ký”	là đơn đăng ký mua Đơn Vị Quỹ lần đầu hoặc cho các lần giao dịch tiếp theo.

“Đồng” hay “VND”	Là đồng tiền pháp định của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
“DPP”	là Lựa chọn Nhận Cổ tức bằng tiền được mô tả chi tiết tại Mục VIII của Bản Cáo Bạch này.
“DRIP”	là lựa chọn Tái đầu tư Cổ tức được mô tả chi tiết tại Mục VIII của Bản Cáo Bạch này.
“FATCA”	là Đạo luật Tuân thủ Thuế đối với tài khoản nước ngoài được thông qua bởi Quốc hội Mỹ ngày 10/3/2010 và có hiệu lực ngày 01/7/2014.
“FTI”	là Franklin Templeton Investments như mô tả tại phần XIII.2.2 của Bản Cáo Bạch này.
“HNX”	là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“HSX”	là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
“Giá Trị Tài Sản Ròng” hay “NAV”	Được tính bằng tổng giá trị tài sản của Quỹ trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định Giá.
“Hệ Thống Kế Toán Việt Nam”	là hệ thống kế toán quy định bởi Bộ Tài Chính của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định áp dụng cho các công ty được thành lập tại Việt Nam.
“IPO”	là phát hành lần đầu ra công chúng tức là khi Đơn Vị Quỹ được chào bán công khai ra công chúng lần đầu tiên.
“KYC”	là nhận biết và tìm hiểu khách hàng.
“Lệnh Bán”	là lệnh của Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ mua lại một phần hay tất cả Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư sở hữu.
“Lệnh Bán Được Chấp Nhận”	là lệnh bán của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận sở hữu bởi Nhà đầu tư đó.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ”	là lệnh của Nhà đầu tư yêu cầu bán một phần hay tất cả các Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận”	là lệnh chuyển đổi quỹ của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ bán được xác nhận sở hữu bởi Nhà đầu tư đó.
“Lệnh Chuyển Nhượng”	là lệnh của Nhà đầu tư chuyển nhượng quyền sở hữu một số lượng xác định Đơn Vị Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án.

"Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận"	là lệnh chuyển nhượng của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện.
"Lệnh Mua"	là lệnh của nhà đầu tư đặt mua Đơn Vị Quỹ.
"Lệnh Mua Được Chấp Nhận"	là lệnh mua của nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.
"Lệnh Được Chấp Nhận"	là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc là một nhóm lệnh bao gồm các Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận.
"Luật" hay "Pháp Luật"	là luật hay pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
"Năm Tài Chính"	là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày SSC cấp giấy phép thành lập của Quỹ đó đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó, trừ khi thời gian còn lại của năm đầu tiên ít hơn 3 (ba) tháng, trong trường hợp đó, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31/12 của năm sau.
"Ngày Làm Việc"	là ngày thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
"Ngày Định Giá"	là ngày NAV của Quỹ được xác định như quy định tại Mục XI.2 của Bản Cáo Bạch này.
"Ngày Giao Dịch"	là Ngày Làm Việc mà Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ phát hành, và/hoặc mua lại Chứng Chỉ Quỹ như được quy định tại Mục X.1 của Bản Cáo Bạch này.
"Ngân Hàng Giám Sát"	có nghĩa là Ngân hàng như mô tả tại Mục XIII.4.1 của Bản Cáo Bạch này, cung cấp dịch vụ bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, hợp đồng kinh tế, và các tài liệu khác liên quan đến tài sản của Quỹ; giám sát hoạt động của Quỹ; giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện.
"Nhà đầu tư"	là cá nhân hoặc tổ chức nắm giữ chứng chỉ quỹ được đăng ký trong Sổ Đăng Ký.
"Quỹ"	là Quỹ Trái Phiếu VCBF (VCBF-FIF) được mô tả trong Bản Cáo Bạch này.

“Quỹ Hưu Trí”	là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động theo quy định pháp luật. Quỹ Hưu Trí có thể là Nhà Đầu Tư vào Quỹ.
“Ngày Chốt Danh Sách”	là ngày mà các Nhà đầu tư được ghi nhận trên Sổ Đăng Ký được xem là đủ điều kiện tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư, nhận cổ tức và các hoạt động khác của Quỹ.
“Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư Chính”	là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư Chính có thể được gọi tắt là Sổ Chính.
“SIP”	Là kế hoạch đầu tư vào Quỹ theo một chu kỳ đều đặn như được mô tả tại Mục X.10 của Bản Cáo Bạch này.
“SSC” hay “UBCKNN”	là Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước của Việt Nam.
“Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh”	là thời điểm mà trước thời điểm đó các lệnh giao dịch nhận được có thể được thực hiện tại Ngày Giao Dịch, như quy định chi tiết tại Mục X.2 của Bản Cáo Bạch này.
“Vốn Điều Lệ”	là số vốn huy động từ các nhà đầu tư trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được giải thích theo quy định của Pháp Luật với những sửa đổi phù hợp theo ngữ cảnh của Bản Cáo Bạch này.

III. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF

Tên Quỹ bằng Tiếng Việt:	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF
Tên Quỹ bằng Tiếng Anh:	VCBF Fixed Income Fund
Tên viết tắt:	VCBF-FIF
Loại hình Quỹ:	Quỹ mở trái phiếu
Mục tiêu Đầu tư:	Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định

Phân bổ Tài sản:	Lên đến 100% đầu tư vào tài sản có thu nhập cố định
Lợi nhuận tham chiếu:	Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm
Chính sách Cổ tức:	Có quyền chọn nhận bằng tiền mặt hay tái đầu tư
Giấy chứng nhận IPO:	
Giấy chứng nhận đăng ký thành lập:	
Thời hạn hoạt động:	Không giới hạn

2. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

2.1 Hạn Mức Tối Thiểu

Mua lần đầu:	5.000.000 VND (năm triệu đồng)
Các lần mua tiếp theo:	1.000.000 (một triệu đồng)
Bán:	100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ)
Chuyển đổi Quỹ:	100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ)
Chuyển nhượng:	100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ)
Số dư tài khoản tối thiểu:	Quy định về mức bán tối thiểu không áp dụng cho lệnh bán cuối cùng của Nhà đầu tư. 100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ). Số dư tài khoản tối thiểu không áp dụng trong trường hợp Nhà đầu tư mua khoản đầu tư SIP. Trong trường hợp số dư tài khoản Quỹ của Nhà đầu tư thấp hơn mức tối thiểu do các Lệnh Bán và Lệnh Chuyển Đổi Quỹ, toàn bộ số dư còn lại của tài khoản sẽ được bán hoặc chuyển đổi.

2.2 Giá Phát Hành

Là giá bán một đơn vị quỹ, tức là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ, bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành (nếu có).

2.3 Giá Mua Lại

Là giá mua lại một đơn vị quỹ, tức là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại (nếu có).

2.4 Cơ cấu Giá Dịch Vụ

Giá Dịch Vụ Phát Hành:

Giá Dịch Vụ Phát Hành ở mức tối đa 5,0% (năm phần trăm) giá trị Lệnh Mua. Giá Dịch Vụ Phát Hành cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF.

Các Lệnh Mua trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ sẽ được giảm 20,0% (hai mươi phần trăm) Giá Dịch Vụ Phát Hành.

Nhà đầu tư tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ (SIP) có thể được giảm trừ một khoản Giá Dịch Vụ Phát Hành theo thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF.

Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng đối với Quỹ Hưu Trí có thể thấp hơn hoặc được miễn hoàn toàn so với các khoản được quy định ở trên, và sẽ theo các tài liệu liên quan của quỹ hưu trí.

Giá Dịch Vụ Mua Lại:

Giá Dịch Vụ Mua Lại tối đa 3,0% (ba phần trăm) trên NAV của số lượng CCQ bán ra và được trừ vào khoản tiền trả cho Nhà đầu tư theo lệnh bán. Giá Dịch Vụ Mua Lại cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF.

Nhà đầu tư bán khoản đầu tư SIP trước ngày tròn một (01) năm kể từ ngày bắt đầu SIP sẽ phải trả thêm một khoản chi phí rời đi nữa vào Giá Dịch Vụ Mua Lại và được thông báo tùy theo từng thời điểm trên website của VCBF. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp tổng mức giá dịch vụ mua lại cộng với chi phí rời đi không quá 3% (ba phần trăm) trên NAV của số lượng CCQ bán ra.

Giá dịch vụ mua lại tiêu chuẩn và chi phí rời đi áp dụng đối với việc bán khoản đầu tư SIP được công bố tại website của VCBF tại từng thời điểm.

Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Quỹ Hưu Trí có thể thấp hơn hoặc được miễn hoàn toàn so với các khoản được quy định ở trên, và sẽ theo các tài liệu liên quan của quỹ hưu trí.

Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ:

Được tính trên giá trị được bán từ một Quỹ và mua một Quỹ khác trên cơ sở Lệnh Chuyển Đổi, tùy thuộc vào Giá Dịch Vụ Phát Hành của Quỹ chuyển đến so với Giá Dịch Vụ Phát Hành của Quỹ rời đi như sau:

- Trường hợp cao hơn: giá dịch vụ chuyển đổi tối đa là khoản chênh lệch giữa các mức Giá Dịch Vụ Phát Hành tại thời điểm chuyển đổi.

- Trường hợp bằng hoặc thấp hơn: không tính phí

Mức giá cụ thể sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ công bố trên website tùy theo từng thời điểm. Thời gian nắm giữ của các Đơn Vị Quỹ sau khi chuyển đổi Quỹ sẽ được tính từ ngày nhà đầu tư được phân bổ chứng chỉ quỹ của Quỹ chuyển đến.

Giá dịch vụ chuyển đổi áp dụng đối với Quỹ Hưu trí có thể thấp hơn hoặc được miễn hoàn toàn so với các khoản được quy định ở trên, và sẽ theo các tài liệu liên quan của quỹ hưu trí.

Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng:

Được tính cho giao dịch chuyển nhượng các Đơn Vị Quỹ từ người sở hữu thụ hưởng đã đăng ký sang cho một người sở hữu thụ hưởng khác, tối đa là 300.000 Đồng (ba trăm ngàn đồng) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng. Mức giá dịch vụ chuyển nhượng cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF.

Giá dịch vụ chuyển nhượng áp dụng đối với Quỹ Hưu trí có thể thấp hơn hoặc được miễn hoàn toàn so với các khoản được quy định ở trên, và sẽ theo các tài liệu liên quan của quỹ hưu trí.

2.5 Giao Dịch Đơn Vị Quỹ

Các Đơn Vị Quỹ có thể được mua, bán, chuyển đổi vào Ngày Giao Dịch như quy định tại Mục X.1 của Bản Cáo Bạch này. Giá trị bán ròng sau khi trừ phí, thuế (nếu có) sẽ được thanh toán cho Nhà đầu tư trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc sau Ngày Giao Dịch.

2.6 Cách Tính Giá Trị Tài Sản Ròng (“NAV”)

Được quy định tại Mục XI.1 (Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng) trong Bản Cáo Bạch này. NAV/Đơn Vị Quỹ sẽ được làm tròn xuống cho đến 2 (hai) chữ số thập phân.

2.7 Công Bố Thông Tin

Quỹ sẽ công bố báo cáo tài chính bán niên được soát xét và báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo hoạt động quỹ bán niên, hàng năm và các báo cáo khác theo Điều Lệ Quỹ (trên website của VCBF và trang công bố thông tin của UBCKNN).

Các điều khoản này có thể thay đổi để phù hợp với sự phát triển của thị trường, và có thể được điều chỉnh theo thời gian bởi VCBF trong các lần sửa đổi tiếp theo của Bản Cáo Bạch này.

IV. CÁC RỦI RO LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

Giống như các hình thức đầu tư khác, các Quỹ mở có những rủi ro như nhà đầu tư có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu, rủi ro không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận đạt được thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn so với lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác được đầu tư



cùng thời điểm và có cùng thời gian nắm giữ. Nhà đầu tư cần nhận thức được những rủi ro này tại thời điểm thực hiện đầu tư cũng như hiểu được khả năng chấp nhận của họ đối với rủi ro mất vốn đầu tư ban đầu hoặc lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng.

Là công ty quản lý quỹ, mục tiêu của VCBF là quản lý các rủi ro đầu tư, và nếu có thể, hạn chế tác động của các rủi ro này bằng việc áp dụng các phương pháp quản lý đầu tư theo tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất. Nhà đầu tư cần lưu ý các điểm quan trọng sau đây:

1. Quỹ, VCBF, thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và nhân viên VCBF không có bất kỳ sự đảm bảo nào đối với vốn đầu tư ban đầu cũng như mức lợi nhuận từ đầu tư của Quỹ;
2. Không có bất kỳ sự bảo đảm nào về số lần chi trả và giá trị của cổ tức được thanh toán trong tương lai;
3. Kết quả hoạt động trong quá khứ của Quỹ, của VCBF hoặc của các chủ sở hữu của VCBF không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai;
4. Tên của Quỹ không hàm ý về chất lượng hoạt động cũng như triển vọng và lợi nhuận của Quỹ trong tương lai;
5. VCBF không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và các chủ sở hữu, thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và nhân viên của VCBF không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của VCBF trong quá trình quản lý Quỹ này.

Rủi ro trong đầu tư chứng khoán thông thường được phân thành những loại rủi ro sau đây:

1. **Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán:** Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với các vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán.
 - **Ảnh hưởng:** rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán chủ yếu liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp. Vì rủi ro này, trái phiếu doanh nghiệp có lợi suất cao hơn so với lợi suất của trái phiếu Chính phủ vốn được coi là hình thức đầu tư ít rủi ro hơn. Thông thường giá trị của chứng khoán có thu nhập cố định sẽ dao động theo mức độ đánh giá mức rủi ro tín dụng cũng như bất kỳ sự kiện mất khả năng thanh toán nào thực tế xảy ra. Rủi ro tín dụng càng lớn, mức lợi suất yêu cầu càng cao. Rủi ro tín dụng hoặc rủi ro mất khả năng thanh toán cũng cần được xem xét đối với các công ty phát hành cổ phiếu, bởi vì việc mất khả năng thanh toán của một khoản nợ sẽ làm tăng chi phí nợ vay và có thể dẫn tới khả năng công ty phải phá sản và giá trị cổ phiếu sụt giảm mạnh.

Các công ty không được ưa thích, đặc biệt là các công ty mới thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán, thường có xu hướng giảm giá trị nhanh hơn khi kinh tế suy thoái. Các công ty này thường gặp khó khăn hơn trong việc giữ chân khách hàng và nhà cung cấp và trong việc thanh toán nghĩa vụ nợ hoặc tìm kiếm nguồn tài trợ bổ sung trong giai đoạn kinh tế suy thoái.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Thẩm định chi tiết các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp nhằm đánh giá tình hình tài chính, tính khả thi của dự án đầu tư, khả năng trả nợ, uy tín... của tổ chức phát hành. Mặc dù rủi ro tín dụng và rủi ro mất khả năng thanh toán có thể được phòng ngừa bằng bảo lãnh thanh toán của bên thứ ba, như là ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính có uy tín, phương thức này khá hạn chế và tốn kém. Chi phí phòng ngừa rủi ro sẽ làm giảm tương đối lợi tức của khoản đầu tư. Hình thức giảm thiểu rủi ro phổ biến hơn là tổ chức phát hành thế chấp hoặc cầm cố tài sản

bảo đảm cho các chủ sở hữu trái phiếu. Các tài sản có tính thanh khoản cao, tạo ra dòng tiền đều đặn được ưa chuộng hơn.

2. **Rủi ro thị trường:** Rủi ro thị trường là rủi ro dẫn đến giá thị trường thay đổi, ví dụ như các thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và thị giá chứng khoán ảnh hưởng đến thu nhập của Quỹ hay giá trị các khoản đầu tư của Quỹ.

- **Ảnh hưởng:** Giá trị thị trường của chứng khoán mà Quỹ đầu tư vào sẽ tăng hay giảm, đôi khi nhanh chóng hoặc đột ngột ngoài dự đoán. Giá trị thị trường của một chứng khoán có thể bị giảm bởi các hoạt động mua, bán trên thị trường hoặc các hoạt động khác liên quan đến cung, cầu của chứng khoán đó mà không liên quan đến tổ chức phát hành. Đây là rủi ro cơ bản với tất cả các chứng khoán. Giá có xu hướng giảm khi có nhiều người bán hơn người mua trên thị trường. Tương tự như vậy, giá có xu hướng tăng lên cả khi có nhiều người mua hơn người bán trên thị trường.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các điều kiện kinh tế vĩ mô được theo dõi thường xuyên để đánh giá các nhân tố chung có ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán, từ chính sách tiền tệ và tài khóa, kỳ vọng về lạm phát, tâm lý kinh doanh cho tới thuế và các thay đổi về nhân khẩu học. Do bản chất khái quát của nó, rủi ro thị trường được quản trị bằng cách xác định và quản trị một số rủi ro cụ thể góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các rủi ro chính sau đây được giám sát thường xuyên:

2.1 **Rủi ro lãi suất** là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới giá trái phiếu.

- **Ảnh hưởng:** Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu có lãi suất cố định giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất tăng còn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức phát hành, đặc biệt các tổ chức sử dụng đòn bẩy cao. Theo đó, mức rủi ro của tổ chức phát hành có thể tăng lên và đẩy lợi tức trái phiếu do doanh nghiệp đó phát hành tăng theo, làm suy giảm giá trái phiếu của doanh nghiệp đó.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Quỹ cố gắng giảm thiểu rủi ro lãi suất bằng cách giữ kỳ hạn của trái phiếu phù hợp với kỳ vọng về lãi suất. Cụ thể là Quỹ sẽ nắm giữ trái phiếu có lãi suất cố định với kỳ hạn ngắn hơn và nhiều trái phiếu có lãi suất thả nổi hơn khi lãi suất được dự báo tăng và ngược lại khi lãi suất được dự báo giảm. Đòn bẩy của các công ty Quỹ đầu tư vào và ảnh hưởng tiềm tàng của rủi ro lãi suất đến các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được theo dõi thường xuyên.

2.2 **Rủi ro biến động giá thị trường** là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng chứng khoán thay đổi.

- **Ảnh hưởng:** Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị của các khoản đầu tư.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro giá thị trường được phản ánh trong mức độ biến động của giá chứng khoán tăng hay giảm tương quan với các chứng khoán khác trong cùng thị trường. Để quản trị rủi ro biến động thay đổi giá, mức biến động của từng chứng khoán sẽ được đánh giá và theo dõi. Biến động cao hơn mức trung bình

hàm ý rằng chứng khoán có nhiều rủi ro hơn (có thể đồng nghĩa với khả năng có nhiều lợi nhuận hơn). Mức độ biến động được đo lường bằng các phương pháp thống kê (độ lệch chuẩn của một chứng khoán so với trung bình, hay hệ số Beta). Công ty có chỉ số cơ bản tốt thông thường sẽ có mức biến động thấp hơn so với thị trường.

2.3 Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị của các khoản đầu tư của quỹ suy giảm do lạm phát.

- **Ảnh hưởng:** Giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát, do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu, dẫn đến giá trái phiếu thấp hơn. Ngoài ra, lạm phát tiếp tục cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp, lạm phát cao có thể làm ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính của tổ chức phát hành. Những doanh nghiệp ít có khả năng tăng giá đầu ra khi lạm phát cao sẽ gặp bất lợi hơn. Chi phí tăng trong khi doanh thu không thể tăng sẽ có thể làm suy giảm dòng tiền từ hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, trong môi trường lạm phát tăng, chi phí vay thường tăng do lãi suất thả nổi, doanh nghiệp sẽ có thể gặp khó khăn hơn trong việc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro lạm phát đối với danh mục trái phiếu có thể được giảm thiểu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi nếu lạm phát được dự kiến tăng cao.

2.4 Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quỹ và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi tỷ giá.

- **Ảnh hưởng:** Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ có rủi ro tỷ giá khi các công ty mà Quỹ đang đầu tư có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu và có tài sản hoặc nợ phải trả bằng ngoại tệ.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Các khoản đầu tư có rủi ro tỷ giá sẽ được giám sát thông qua việc phân tích các nguồn doanh thu và các khoản công nợ của công ty đó.

Tài sản và nợ phải trả của Quỹ đều được trình bày bằng đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ sử dụng của Quỹ. Vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ phải chịu rủi ro tỷ giá trong thời gian đầu tư tại Việt Nam. Việc bảo vệ nhà đầu tư tránh khỏi rủi ro này nằm ngoài khả năng của Quỹ và vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài, nếu cần thiết, cần phải tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

3. **Rủi ro thanh khoản của khoản đầu tư:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà thanh khoản của người mua và người bán đối với chứng khoán quá thấp khiến cho Quỹ không thể hoặc mua hoặc bán chứng khoán tại các mức giá nhất định khi cần thiết. Chứng khoán niêm yết thường có rủi ro thanh khoản thấp hơn chứng khoán chưa niêm yết, tuy nhiên khả năng bán các khoản đầu tư này có thể bị ảnh hưởng bởi tổng giá trị giao dịch của thị trường chứng khoán. Thước đo rủi ro thanh khoản và việc chứng khoán có thể bán được dễ dàng hay không, là chênh lệch giữa giá chào mua và giá chào bán. Chứng khoán kém thanh khoản sẽ có mức chênh lệch rộng hơn chứng khoán có thanh khoản cao. Rủi ro thanh khoản là rủi ro đặc thù của thị trường trái phiếu Việt Nam vì nhiều trái phiếu phát hành có quy mô nhỏ và giao dịch ít trên thị trường thứ cấp.



Ngoài ra, Quỹ có thể sẽ đầu tư vào những chứng khoán không niêm yết và vì vậy Quỹ có thể gặp các rủi ro thanh khoản.

- **Ảnh hưởng:** Thanh khoản thấp của các chứng khoán có thể ảnh hưởng đến tính thanh khoản của Quỹ (xem mục 8 dưới đây). Thanh khoản thấp của các chứng khoán cũng dẫn đến giá mua, bán bất lợi cho Quỹ và do đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ (xem mục 6 dưới đây).
 - **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro thanh khoản sẽ được theo dõi trên cơ sở số ngày cần thiết để bán mỗi chứng khoán trong danh mục dựa trên dữ liệu giao dịch bình quân của chứng khoán đó trong năm liền trước. Các phương pháp cần thiết khác sẽ được tiến hành để giữ thời gian thoái vốn bình quân nằm trong các khoảng thời gian mục tiêu theo nguyên tắc cân trọng giới hạn trong quy định nội bộ.
4. **Rủi ro tái đầu tư:** Rủi ro này liên quan đến các mức lãi suất khi Quỹ tái đầu tư dòng tiền từ trái tức, trái phiếu đáo hạn hay thoái vốn các khoản đầu tư. Lãi suất tại thời điểm tái đầu tư có thể thấp hơn lãi suất trước đó dẫn đến thu nhập nhận được trong tương lai sẽ thấp đi.

Một số chứng khoán có thu nhập cố định được phát hành kèm theo quyền cho phép tổ chức phát hành mua lại chứng khoán đó trước hạn. Khi lãi suất thị trường có xu hướng giảm, các tổ chức phát hành có thể sẽ thực hiện quyền mua lại trước hạn này. Khả năng này có thể khiến Quỹ phải tái đầu tư phần tiền thu hồi tại mức sinh lợi thấp hơn, do đó làm giảm thu nhập từ lãi của Quỹ.

- **Ảnh hưởng:** Rủi ro tái đầu tư là rủi ro đặc thù của các khoản đầu tư trái phiếu với dòng tiền từ lãi trái phiếu và từ vốn được hoàn trả vào thời điểm đáo hạn trái phiếu.
 - **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro tái đầu tư của danh mục đầu tư trái phiếu được quản trị thông qua việc theo dõi kỳ vọng lãi suất thể hiện trên đường cong lợi suất (đồ thị thể hiện các mức lãi suất của các trái phiếu có các kỳ hạn khác nhau) và kỳ hạn của danh mục đầu tư trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn dài sẽ được ưu tiên nắm giữ khi lãi suất đang ở mức cao và được kỳ vọng sẽ giảm. Trái phiếu có kỳ hạn ngắn hoặc có lãi suất thả nổi sẽ được ưu tiên nắm giữ nếu lãi suất được kỳ vọng tăng. Tuy nhiên, tại Việt Nam, lãi suất thả nổi chủ yếu chỉ có ở trái phiếu doanh nghiệp, vì vậy phương pháp này thường giới hạn sử dụng cho những trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng tốt.
5. **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro thanh toán là rủi ro mà Quỹ giao dịch với một đối tác mà đối tác này không thanh toán tiền mua chứng khoán hoặc chuyển nhượng chứng khoán cho Quỹ sau khi Quỹ đã thanh toán tiền mua.
- **Ảnh hưởng:** Rủi ro thanh toán ở Việt Nam thường liên quan tới những giao dịch chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết và các giao dịch chưa có quy định. Các giao dịch mua bán chứng khoán niêm yết được tiến hành thông qua Sở giao dịch, dựa trên nguyên tắc nhà đầu tư phải có đủ số dư trước khi giao dịch, theo đó giảm thiểu rủi ro thanh toán.
 - **Phương pháp quản trị rủi ro:** Quỹ chỉ tiến hành các giao dịch mua bán chứng khoán chưa niêm yết với các đối tác có uy tín và trong trường hợp cần thiết có bằng chứng

rõ ràng là có tiền hoặc chứng khoán hoặc thực hiện các bước thẩm định cần thiết để hạn chế rủi ro này.

6. **Rủi ro về kết quả đầu tư:** Đây là rủi ro mà Quỹ có thể không đạt được kết quả đầu tư như mong đợi, và kết quả đầu tư có thể thấp hơn so với các lựa chọn đầu tư khác có sẵn tại thời điểm tiến hành đầu tư. Hiệu quả đầu tư của Quỹ có thể bị ảnh hưởng bởi kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty mà Quỹ đầu tư vào, các điều kiện kinh tế vĩ mô, những thay đổi trong chính sách của Chính phủ, thay đổi luật pháp, lãi suất và rủi ro liên quan đến khối lượng giao dịch, tính thanh khoản và hệ thống thanh toán của các sản phẩm giao dịch chứng khoán.

Việc thanh toán cổ tức phụ thuộc vào nguồn phân phối lợi nhuận và chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ và cần có sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư và / hoặc của Ban Đại diện Quỹ. Tùy thuộc nguồn lợi nhuận có thể phân phối, các nhà đầu tư có thể sẽ không nhận được khoản cổ tức như kỳ vọng hoặc trong thời gian dự kiến.

7. **Rủi ro về chiến lược đầu tư:** Đây là rủi ro bắt nguồn từ chiến lược đầu tư của Quỹ. Theo đó, rủi ro của Quỹ có thể tăng hay giảm phụ thuộc vào chiến lược đầu tư mà Quỹ áp dụng.

▪ **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro tập trung do chiến lược đầu tư được quản trị thông qua việc duy trì một danh mục đầu tư đa dạng bao gồm các loại tài sản khác nhau. Tuy nhiên, khả năng quản trị rủi ro bị hạn chế bởi số lượng các cơ hội đầu tư phù hợp trên thị trường, đặc biệt trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp. Nhà đầu tư cần cân nhắc chiến lược đầu tư của Quỹ và quyết định xem rủi ro của chiến lược đầu tư có phù hợp với mục tiêu đầu tư và mức độ chấp nhận rủi ro của mình hay không.

8. **Rủi ro thanh khoản của Quỹ:** Đây là rủi ro mà Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các Lệnh Bán của nhà đầu tư trong một Ngày Giao Dịch cụ thể hoặc trong một khoảng thời gian dài hơn. Khi NAV của Quỹ giảm xuống thấp hơn, hay tổng số tiền phải hoàn trả cho các Lệnh Bán trên NAV cao hơn các ngưỡng cho phép của Pháp Luật, các Lệnh Bán chỉ có thể được hiện một phần hoặc có thể bị trì hoãn (vui lòng xem chi tiết ở Mục X.5.4 “Thực hiện Một phần Lệnh Bán” và Mục X.9 “Tạm dừng Việc Thực hiện Lệnh Mua và Lệnh Bán”).

Ngoài các điều kiện theo quy định của Pháp Luật, Quỹ cũng có thể không đáp ứng kịp thời được một số hoặc tất cả các lệnh yêu cầu mua lại do thị trường thiếu thanh khoản và Quỹ không thể thoái vốn các khoản đầu tư. Điều kiện thị trường, thay đổi trong những quy định có liên quan và các yếu tố khác như khối lượng giao dịch thấp, thời gian thanh toán dài hoặc các thủ tục chuyển nhượng có thể hạn chế việc thoái vốn các khoản đầu tư của Quỹ, kéo dài thời gian cần thiết để giải quyết các yêu cầu thanh toán, đặc biệt là trong trường hợp Quỹ phải đáp ứng một số lượng lớn bất thường các Lệnh Bán. Thị trường thứ cấp của trái phiếu doanh nghiệp có thanh khoản kém hơn thị trường thứ cấp của trái phiếu Chính phủ, và các khoản đầu tư trên thị trường tiền tệ, tuy khá thanh khoản, nhưng lại thiếu một thị trường thứ cấp phát triển, có thể hạn chế khả năng thoái vốn của Quỹ khi cần thiết.

Một phần tài sản của Quỹ có thể được phân bổ vào các chứng khoán chưa niêm yết phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ và các giới hạn theo Luật. Chứng khoán chưa niêm yết có tính thanh khoản kém và có rủi ro thanh khoản cao hơn so với các chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán được phát hành kèm theo các lựa chọn thoái vốn bao gồm

quyền chọn bán. Tuy nhiên điều này có thể làm tăng rủi ro của danh mục đầu tư. Thêm vào đó, tính thanh khoản và giá trị các khoản đầu tư của Quỹ do có nắm giữ các chứng khoán chưa niêm yết có thể bị ảnh hưởng nếu các chứng khoán chưa niêm yết này bắt buộc phải được thoái vốn sớm hơn dự kiến.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Quỹ sẽ nỗ lực duy trì mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách phân bổ tài sản vào các tài sản có tính thanh khoản cao và các tài sản kém thanh khoản một cách hợp lý để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể tiên lượng được một cách hợp lý, việc thanh toán sẽ được thực hiện đúng hạn và không bị ảnh hưởng bởi những chứng khoán kém thanh khoản.

9. **Rủi ro liên quan đến giải thể bắt buộc:** Quỹ phải đối mặt với nguy cơ bị giải thể bắt buộc nếu NAV thấp hơn 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng) trong 6 (sáu) tháng liên tục. Trong trường hợp này Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được triệu tập để quyết định việc thanh lý Quỹ hoặc sáp nhập Quỹ với Quỹ khác, tùy thuộc phương án nào có lợi nhất cho các nhà đầu tư.

10. **Rủi ro hoạt động quản lý quỹ:** Đây là rủi ro khi không phải tất cả các quyết định đầu tư của VCBF đều mang lại lợi nhuận hoặc đáp ứng được kỳ vọng tại thời điểm tiến hành các khoản đầu tư này hoặc khi nhân viên đầu tư chủ chốt của VCBF nghỉ việc. Theo đó, các nhà đầu tư có thể bị thua lỗ.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Hiệu quả đầu tư của Công ty Quản Lý Quỹ được giám sát thông qua việc đánh giá nội bộ về đội ngũ đầu tư cũng như chịu sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đội ngũ đầu tư của VCBF được đào tạo nội bộ thường xuyên và được khuyến khích bổ sung thêm các chứng chỉ chuyên môn quốc tế. Năng lực của tất cả các nhân viên VCBF đều được đánh giá hàng năm, và kết quả làm việc tốt được thưởng xứng đáng để khuyến khích và giữ chân nhân viên.

11. **Rủi ro về biến động giá của Quỹ do các lệnh mua/bán lớn:** Rủi ro này phát sinh khi một hay một số Nhà đầu tư đang nắm giữ một số lượng lớn Đơn Vị Quỹ, quyết định thực hiện Lệnh Bán các Đơn Vị Quỹ này cùng lúc. Điều này có thể ảnh hưởng bất lợi tới giá của Đơn Vị Quỹ nếu các Lệnh Bán này đòi hỏi VCBF phải thoái vốn các khoản đầu tư tại mức giá thấp.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Các hạn chế bán, điều chỉnh giá phát hành/mua lại hoặc phí chống pha loãng thường được sử dụng để giảm thiểu rủi ro giá của Quỹ bị ảnh hưởng khi một nhà đầu tư lớn có các lệnh lớn. Hạn chế bán đưa ra các hạn chế về mặt quy mô của từng lệnh bán. Điều chỉnh giá phát hành/mua lại tức là điều chỉnh NAV cho các lệnh mua hoặc lệnh bán lớn bằng một chỉ số điều chỉnh, chỉ số điều chỉnh này được thiết kế để bù trừ ảnh hưởng của phần chênh lệch lớn giữa lệnh bán và lệnh mua. Phí chống pha loãng tăng giá mua lại của các lệnh bán của nhà đầu tư bằng một con số nhất định và phần chênh lệch này được trả cho Quỹ.

12. **Rủi ro pháp lý:** là rủi ro mà Luật hoặc các quy định pháp lý thay đổi hoặc sự diễn giải và thi hành Luật và các quy định pháp lý này thay đổi khiến cho Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ bị ảnh hưởng.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Những thay đổi về Luật hay các quy định pháp lý thường được thông báo trước khi có hiệu lực. Mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục sẽ được đánh giá, và nếu cần thiết và

khả thi, Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư hoặc đối tượng các công ty được đầu tư.

13. **Rủi ro bất thường:** là rủi ro mà những sự kiện bất thường có ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ. Những sự kiện này - dù là có thật hay tin đồn, có thể bao gồm:

- Thảm họa thiên nhiên như động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân;
- Các sự kiện chính trị xã hội như đình công, bạo động, tranh chấp biên giới;
- Môi trường kinh doanh như khủng hoảng hệ thống ngân hàng, các nhà lãnh đạo chủ chốt mất khả năng điều hành;
- Rủi ro hệ thống như trục trặc trong hệ thống máy tính hoặc thông tin.

▪ **Phương pháp quản trị rủi ro:** Có rất ít biện pháp để giảm thiểu rủi ro bất thường có mức độ ảnh hưởng lớn do bản chất của những hiện tượng này. Đa dạng hoá danh mục đầu tư vào các ngành, lĩnh vực khác nhau góp phần giảm thiểu rủi ro bất thường vì các rủi ro này không tác động đến tất cả chứng khoán cùng một lúc hoặc tác động ở các mức độ khác nhau. Ở cấp độ công ty trong danh mục, chính sách bảo hiểm và các kế hoạch khắc phục tổn thất do thảm họa có thể giúp giới hạn tác động của một số rủi ro bất thường.

14. **Rủi ro đầu tư cụ thể của từng Quỹ:** vui lòng tham chiếu đến mục VII.3 của Bản Cáo Bạch này phân phân bổ tài sản đầu tư của Quỹ và các mục rủi ro trên để nhận biết rủi ro riêng biệt đối với các loại tài sản này.

V. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Quỹ mở cung cấp một công cụ đầu tư bổ sung cho các nhà đầu tư cá nhân Việt Nam trong quản lý tài sản cá nhân, ngoài các loại tài sản truyền thống như gửi tiết kiệm, đầu tư bất động sản hay vàng. Đầu tư vào quỹ mở có một số ưu điểm so với đầu tư vào từng loại chứng khoán riêng lẻ do quỹ mở có các đặc điểm sau:

- **Tính chất dài hạn:** Quỹ mở có thể mang đến lợi nhuận cao hơn do việc đầu tư vào cổ phiếu như một loại tài sản đầu tư dài hạn thông thường có thể mang lại lợi nhuận cao hơn, như lịch sử đã chứng minh ở nhiều nước. Tính chất dài hạn của quỹ mở cũng cho phép công ty quản lý quỹ hạn chế được chu kỳ của thị trường chứng khoán.
- **Quản lý chuyên nghiệp:** Quỹ mở cho phép nhà đầu tư tiếp cận với các nhà quản lý quỹ chuyên nghiệp và thương xuyên, những người có kinh nghiệm, chuyên môn và có nguồn lực để chủ động mua, bán và theo dõi khoản đầu tư cho nhà đầu tư.
- **Linh hoạt:** Nhiều quỹ mở là một phần của "gia đình quỹ", do đó nhà đầu tư có thể đầu tư vào một số quỹ mở phù hợp nhất với mục tiêu đầu tư cụ thể của nhà đầu tư, nhưng cũng có nghĩa là nhà đầu tư có thể chuyển sang quỹ khác khi mục tiêu đầu tư của nhà đầu tư thay đổi. Chuyển đổi từ một quỹ sang quỹ khác thuộc cùng nhóm gia đình quỹ được miễn phí hoặc phí rất thấp.
- **Phù hợp với khả năng chi trả:** Khoản đầu tư ban đầu vào hầu hết các quỹ mở đều hợp lý và các khoản đầu tư tối thiểu tiếp theo thường nhỏ.



- **Thanh khoản:** Trong trường hợp khẩn cấp nhà đầu tư cần sử dụng tiền từ kế hoạch tiết kiệm dài hạn của mình, việc rút một phần hoặc toàn bộ số tiền đầu tư cũng rất dễ dàng, thường chỉ trong vòng 1 (một) tuần. Tất nhiên, các việc khẩn cấp thường không dự đoán được trước và vì vậy giá trị của đơn vị quỹ mà nhà đầu tư phải bán có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn số tiền gốc mà nhà đầu tư đã đầu tư và chi phí để bán khoản đầu tư cũng có thể cao hơn dự kiến.
- **Đa dạng:** Danh mục đầu tư của quỹ mở thường bao gồm một số chứng khoán không tương quan. Ví dụ, một danh mục đầu tư cổ phiếu đa dạng thường nắm giữ cổ phiếu của các công ty thuộc các ngành khác nhau. Sự đa dạng có thể giúp giảm rủi ro tài chính tiềm tàng vốn có trong đầu tư. Nếu một khoản đầu tư giảm giá, khoản đầu tư khác trong danh mục có thể lại tăng giá.

Mỗi quỹ mở có tính chất rủi ro riêng, được xác định bởi các loại chứng khoán mà quỹ đó đầu tư vào. Nhìn chung, một Quỹ mở đầu tư vào trái phiếu chính phủ sẽ có rủi ro thấp hơn so với quỹ đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp hoặc quỹ đầu tư vào cổ phiếu vì giá trị tài sản ròng của Quỹ mở sẽ được xác định chủ yếu dựa vào lãi suất thị trường với rủi ro chính phủ mất khả năng thanh toán thấp. Do đó, Quỹ mở đầu tư vào trái phiếu sẽ phù hợp cho các nhà đầu tư mong muốn bảo toàn vốn và có thu nhập cố định. Các quỹ mở đầu tư vào trái phiếu sẽ khác nhau về tỷ trọng trái phiếu chính phủ (lợi suất thấp hơn) và trái phiếu doanh nghiệp (lợi suất cao hơn) nhưng chứa đựng rủi ro mất khả năng thanh toán của các tổ chức phát hành. Quỹ mở đầu tư vào cổ phiếu có rủi ro cao hơn vì các quỹ này có thể bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi tính chu kỳ của thị trường chứng khoán trong dài hạn. Tuy nhiên lợi nhuận của cổ phiếu trong dài hạn thường cao hơn so với lợi nhuận của trái phiếu. Thị trường cổ phiếu có nhiều biến động hơn so với thị trường trái phiếu, nhưng lịch sử cho thấy đầu tư vào thị trường cổ phiếu mang lại nhiều lợi nhuận hơn. Do đó, các nhà đầu tư có mức chấp nhận rủi ro cao hơn, đặc biệt là các nhà đầu tư trẻ tuổi, có khuynh hướng xây dựng kế hoạch tiết kiệm của họ thông qua việc đầu tư vào Quỹ mở chuyên đầu tư vào cổ phiếu. Các quỹ mở đầu tư vào cổ phiếu sẽ khác nhau tùy theo rủi ro và tiềm năng lợi nhuận của loại cổ phiếu mà Quỹ đầu tư vào.

Bảng 1: Các hình thức quỹ mở

	Thu nhập cố định 100%					Cổ phiếu 100%				
	Bảo toàn Vốn		Phản ứng		Phản ứng Tăng trưởng		Tăng trưởng		Tăng trưởng Hoàn toàn	
Rủi ro	Thấp nhất	Thấp	Trung bình	Cao	Cao nhất					
Nguồn thu	Lãi	Cổ tức+Lãi	Cổ tức+Lãi+Thặng dư vốn	Cổ tức+Lãi+Thặng dư vốn	Chủ yếu là Thặng dư vốn					
Lợi nhuận kỳ vọng	Thấp nhất	Thấp	Trung bình	Cao	Cao nhất					
Thời hạn	Ngắn-Trung hạn	Ngắn-Trung hạn	Trung-Dài hạn	Dài hạn	Dài hạn					

Trong trung hạn đến dài hạn, VCBF hướng đến mục tiêu cung cấp đầy đủ các sản phẩm quỹ mở với các đặc điểm lợi nhuận kỳ vọng/rủi ro khác nhau để đáp ứng nhu cầu của các

nhóm nhà đầu tư khác nhau, phục vụ các mục đích phân bổ tài sản khác nhau của nhà đầu tư.

Nhà đầu tư có các mục tiêu đầu tư khác nhau với khoảng thời gian đầu tư để đạt được các mục tiêu đó khác nhau. Các mục tiêu tiết kiệm dài hạn phổ biến là cho hưu trí, chi phí giáo dục, mua nhà để ở hoặc các tài sản cố định khác như ô tô, xe máy, hoặc cho các mục tiêu khác. Các mục tiêu này sẽ thay đổi trong suốt cuộc đời của nhà đầu tư vì một số mục tiêu đã đạt được và được thay thế bởi các mục tiêu khác. Khả năng chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư thông thường cũng sẽ thay đổi theo thời gian, với khả năng chấp nhận rủi ro giảm xuống khi tuổi nghỉ hưu đến gần. Các chuyên gia tư vấn tài chính và các chuyên gia tư vấn về quản lý tài sản có thể hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc xác định kế hoạch tiết kiệm lâu dài của nhà đầu tư. Để việc đầu tư dài hạn vào Quỹ mở được thành công, các nhà đầu tư cần phải đánh giá, xác định kế hoạch tiết kiệm dài hạn của mình và lựa chọn một hoặc nhiều Quỹ mở phù hợp nhất để có thể đáp ứng các mục tiêu riêng của nhà đầu tư với các mức rủi ro chấp nhận được.

Với các nhà đầu tư tổ chức, quỹ mở cung cấp bổ sung một công cụ đầu tư cho các chiến lược phân bổ tài sản và đa dạng hoá tài sản đầu tư cũng như công cụ đầu tư cho các chương trình hưu trí bổ sung cho nhân viên của công ty.

Cập Nhật Tình Hình Kinh Tế Vĩ Mô

VCBF áp dụng phương pháp đầu tư từ dưới lên, theo đó, các quyết định đầu tư được dựa vào việc phân tích mối tương quan giữa lợi nhuận kỳ vọng và rủi ro của các khoản đầu tư cũng như dựa trên việc phân tích cơ bản các công ty đầu tư. Tuy nhiên, VCBF sẽ cung cấp báo cáo cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô hàng quý trong các báo cáo quý của Quỹ.

VI. CÁC MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ GIỚI HẠN ĐẦU TƯ CHUNG

Dưới đây là các mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư chung của áp dụng cho tất cả các quỹ mở được thành lập và quản lý bởi VCBF, bao gồm VCBF-FIF.

1. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Các quỹ mở do VCBF thành lập và quản lý sẽ đầu tư vốn khá dụng vào các chứng khoán được tự do chuyển nhượng và các tài sản khác với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các nhà đầu tư kết quả từ việc quản lý danh mục đầu tư. Quỹ VCBF-FIF có mục tiêu đầu tư cụ thể như được trình bày chi tiết tại Mục VII của Bản Cáo Bạch này.

2. CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

Pháp Luật hiện tại quy định quỹ mở có thể đầu tư vào các loại tài sản sau:

2.1 Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm:

- (a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- (b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật;
- (c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- (d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

- (e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có báo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản được nêu tại điểm (e) này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về báo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành
- (f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- (g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- (h) Quỹ được phép đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Các tài sản đầu tư trên đây là theo quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp quy định pháp luật thay đổi thì tài sản đầu tư của Quỹ sẽ tự động thay đổi tương ứng phù hợp với quy định pháp luật mới.

Quỹ kiếm tìm lợi nhuận theo một chiến lược đầu tư minh bạch và nghiêm ngặt. Quỹ duy trì danh mục đa dạng các loại tài sản cho thu nhập cố định ở các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

2.2 Phân bổ tài sản của Quỹ:

Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ đầu tư sẽ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20,0% (Hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

3. CÁC HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Dưới đây là các hạn chế đầu tư áp dụng cho Quỹ VCBF-FIF.

3.1 Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- (a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản gồm: (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Quy định này không áp dụng cho Quỹ trái phiếu
- (b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm (a), (b) Mục 2.1 bên trên (trong mục Chính sách đầu tư) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại các điểm (a), (b), (d), (e), (f) của Mục 2.1 bên trên (trong mục Chính sách đầu tư) mà được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở

hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT - BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

- (e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào tài sản quy định điểm (e) Mục 2.1 bên trên (trong mục Chính sách đầu tư);
- (f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm (b), (d), (e) và (g) Mục 2.1 bên trên (trong mục Chính sách đầu tư), ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi, phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;
- (g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF – FIF;
- (i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- (j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- (k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành, trừ trường hợp quỹ trái phiếu;
- (l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi quy định tại điểm (a), (b) của Mục 2.1 bên trên (phần Chiến lược Đầu tư) phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Các hạn mức đầu tư trên đây là theo quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp quy định pháp luật thay đổi thì hạn mức đầu tư của Quỹ sẽ tự động thay đổi tương ứng phù hợp với quy định pháp luật mới

- 3.2 Quỹ có thể đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp mà Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) bảo lãnh thanh toán và/hoặc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đóng vai trò bảo lãnh phát hành và/hoặc đại lý phát hành trái phiếu.
- 3.3 Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm 3.1 (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - (a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

- (b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (e) Quỹ đang trong thời gian giải thể

3.4 Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư được quy định tại Mục 3.3 (a), (b), (c), (d) bên trên, VCBF có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định tại Khoản 1 của Điều này trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì VCBF không tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, VCBF phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch, VCBF phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

3.5 Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

3.6 Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại và giao dịch ký quỹ

- (a) Công ty quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- (b) Công ty quản lý Quỹ không được vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- (c) Công ty quản lý quỹ không được sử dụng Tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- (d) Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

VII. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ QUỸ

1. TÊN VÀ LOẠI HÌNH CỦA QUỸ

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF, quỹ mở trái phiếu.

2. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư chủ yếu của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định. Tài sản cho thu nhập cố định của Quỹ sẽ chủ yếu bao gồm trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được bảo lãnh của Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên thì Quỹ có thể đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định khác.

3. PHÂN BỐ TÀI SẢN

Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ sẽ đầu tư lên đến 100% (Một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ vào các tài sản có thu nhập cố định. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20,0% (Hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Chiến lược đầu tư tạm thời: Khi điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi, VCBF có thể đầu tư lên tới 100,0% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ bằng tiền, các khoản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng cao, với điều kiện quỹ vẫn đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư chung quy định tại Mục VI.3. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư đã đề ra.

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn.

Quỹ sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định chủ yếu là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao.

Dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, tài sản của Quỹ sẽ được phân bổ nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Đối với Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Quỹ tập trung vào quản lý kỳ hạn, lựa chọn trái phiếu dựa trên nhận định về xu hướng lãi suất, tình thanh khoản của các kỳ hạn khác nhau.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ áp dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên trên cơ sở nghiên cứu những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp. Quỹ sẽ xem xét đầu tư vào trái

phiếu của các tổ chức phát hành có tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định và khả năng trả nợ cao.

Quý có thể đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp mà Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bảo lãnh thanh toán và/hoặc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đóng vai trò bảo lãnh phát hành và/hoặc đại lý phát hành trái phiếu.

5. ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Việc điều chỉnh Mục Tiêu Đầu Tư, Phân Bố Tài Sản và Chiến Lược Đầu Tư của Quỹ như được đề cập ở các Mục 2, 3 và 4 ở trên cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều 22 của Điều Lệ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản Cáo Bạch.

6. CÁC RỦI RO CHỦ YẾU

Các nhà đầu tư phải nhận thức được rủi ro là họ có thể bị thua lỗ khi đầu tư vào Quỹ. Phần IV chỉ ra những rủi ro có thể xảy ra, một cách riêng lẻ hoặc kết hợp, liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ. Nhà đầu tư phải xem xét phân phân bố đầu tư vào Quỹ trên cơ sở toàn bộ tài sản mà nhà đầu tư đang nắm giữ. Quỹ không có kế hoạch cung cấp một chương trình đầu tư đầy đủ hay toàn vẹn.

7. VÒNG QUAY DANH MỤC

Quỹ phải trả chi phí giao dịch như phí môi giới khi tiến hành mua và bán chứng khoán (hoặc "đảo" danh mục đầu tư của Quỹ). Một danh mục có vòng quay danh mục cao sẽ có chi phí giao dịch cao hơn. Chiến lược đầu tư của Quỹ là tiến hành đầu tư tại các mức giá hấp dẫn và nắm giữ, hơn là tiến hành giao dịch thường xuyên. Chi phí giao dịch được tính vào giá trị tài sản ròng của Quỹ, và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ.

8. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Trước đợt phát hành lần đầu ra công chúng, Quỹ sẽ không có kết quả hoạt động trong quá khứ. Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ sẽ được công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của VCBF và trong các báo cáo đầy đủ được cung cấp 6 tháng một lần.

9. LỢI NHUẬN THAM CHIẾU

Lợi nhuận tham chiếu được xác định bằng lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Bloomberg tại ngày làm việc đầu tiên của mỗi năm.

VIII. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được ủy quyền). Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp

Luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- (a) Quỹ không còn đủ khả năng tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của mình theo quy định của Pháp Luật; hoặc
- (b) Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu do Pháp Luật quy định.

Nhà đầu tư có thể nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc dùng để tái đầu tư:

- Lựa chọn Nhận Cổ tức bằng Tiền ("DPP"): Nhà đầu tư muốn nhận cổ tức bằng tiền cần phải nêu rõ lựa chọn của mình trong Đơn Đăng Ký.
- Lựa chọn Tái Đầu tư Cổ tức ("DRIP"): Nhà đầu tư muốn dùng cổ tức để tái đầu tư sẽ nhận được thêm các Đơn Vị Quỹ. Số lượng chứng chỉ quỹ được trả theo chương trình Lựa chọn Tái Đầu tư Cổ tức sẽ được tính toán đến hai chữ số thập phân bằng cách làm tròn xuống chữ số thứ hai. Cổ tức được trả cho Nhà đầu tư sẽ được tự động tái đầu tư tại NAV của Quỹ trong Ngày Giao Dịch liền sau ngày trả cổ tức. Số lượng các Đơn Vị Quỹ của Nhà đầu tư do đó sẽ tăng bằng với số cổ tức phải trả chia cho NAV vào Ngày Giao Dịch đó. Cổ tức được dùng để tái đầu tư giống như việc Nhà đầu tư nhận được cổ tức bằng tiền mặt và dùng số tiền đã nhận được để tái đầu tư nhưng khi đó:
 - Các khoản đầu tư dưới hình thức DRIP sẽ không phải trả Giá Dịch Vụ Phát Hành.
 - Không phải trả Giá Dịch Vụ Mua Lại hoặc Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ đối với khoản đầu tư từ DRIP.

Nhà đầu tư cần phải nêu rõ lựa chọn của mình trong hai lựa chọn trên, DPP hoặc DRIP, được ghi trong Đơn Đăng Ký. Nếu nhà đầu tư không có sự lựa chọn, lựa chọn DRIP được tự động áp dụng.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể phê duyệt cổ tức tại bất kỳ thời điểm nào và bất kỳ tần suất thanh toán nào (hàng quý, nửa năm, hàng năm) khi phù hợp. Tuy nhiên, sẽ không có sự đảm bảo nào về giá trị, tần suất, cũng như sự đều đặn của việc phân phối cổ tức. Việc phân phối cổ tức sẽ tùy thuộc vào lợi nhuận có thể phân phối và sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền).

Nhà đầu tư có trong danh sách chốt trong Sổ Đăng Ký tại Ngày Giao Dịch được công bố bởi VCBF cho việc chia cổ tức ("Ngày Chốt Danh Sách") được xem là đủ điều kiện để nhận cổ tức.

Để đảm bảo chính xác việc chia cổ tức, giao dịch chứng chỉ quỹ sẽ được tạm ngừng trong khoảng thời gian ngắn trước Ngày Chốt Danh Sách.

Cổ tức sẽ được chi trả trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được công bố và được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư theo đăng ký trong Sổ Đăng Ký vào ngày thanh toán cổ tức, sau khi được khấu trừ các loại thuế có liên quan.

Cổ tức được chi trả sẽ phải chịu thuế tùy thuộc vào nguồn gốc của thu nhập của Quỹ cũng như các loại thuế áp dụng cho Nhà đầu tư (xem Phần XV).

IX. CHI TIẾT ĐỢT PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG (IPO)

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10/5/2019 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Bảng 2: Các điều khoản chính của đợt IPO

Số lượng đơn vị quỹ được chào bán thành công:	5.658.181,28 đơn vị quỹ
Thời gian phát hành:	03/6/2019 đến 18/7/2019
Mệnh giá:	10.000 đồng một Đơn Vị Quỹ
Đơn vị tiền tệ:	Việt Nam Đồng (VND)
Giá phát hành lần đầu:	Mệnh giá cộng 80% của Giá Dịch Vụ Phát Hành Giá phát hành = 10.000 VND x (1 + 0.8 x Giá Dịch Vụ Phát Hành)
Ngày giao dịch đầu tiên:	21/8/2019

X. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Nhà đầu tư có thể liên tục giao dịch các Đơn Vị Quỹ kể từ Ngày Giao Dịch đầu tiên.

Nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến của chuyên gia tư vấn riêng của mình để đảm bảo nhà đầu tư đủ điều kiện để đầu tư vào Quỹ theo các quy định pháp luật áp dụng cho họ và liệu Quỹ có phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro của họ hay không.

1. NGÀY GIAO DỊCH

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Đơn Vị Quỹ vào ngày Thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là Ngày Làm Việc ("Ngày Giao Dịch"). Nếu Ngày Thứ Tư không phải là Ngày Làm Việc, thì Ngày Giao Dịch sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo. Nếu Ngày Làm Việc tiếp theo đó là ngày Thứ Ba, thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Thứ Tư của tuần đó.

Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó.

Việc thay đổi Ngày Giao Dịch do nghỉ lễ sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang web của VCBF, www.vcbf.com. VCBF có thể thay đổi Ngày Giao Dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ. Các thay đổi đó sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

2. THỜI ĐIỂM ĐÓNG SỔ LỆNH

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho việc xử lý và chấp nhận các chứng từ cần thiết cho các lệnh mua, bán, chuyển đổi quỹ để thực hiện trong Ngày Giao Dịch và cho việc thanh toán các lệnh mua được quy định chi tiết trong Bảng 3 như sau:

Bảng 3: Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch ‘T’

	Giờ đóng sổ lệnh	
	Thanh toán ¹⁾	Hồ sơ ²⁾
Mua,	14h00 T-1	14h00 T-1
Bán, Chuyển Đổi, Hủy Lệnh	na	14h00 T-1

1. Ngân Hàng Giám Sát nhận được tiền thanh toán mua Đơn Vị Quỹ tại Tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát trước 14h00 ngày T-1 (ngày làm việc).
2. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh áp dụng cho việc nộp đầy đủ hồ sơ với Đại Lý Phân Phối

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được ghi nhận tại các Điểm Nhận Lệnh. Các lệnh giao dịch nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được Đại Lý Phân Phối chuyển sang Đại Lý Chuyển Nhượng trước thời điểm đóng hệ thống của Ngày Làm Việc gần nhất trước Ngày Giao Dịch T (“T-1”). Các lệnh giao dịch sẽ được xử lý căn cứ vào ngày và giờ nhận được hồ sơ tại Điểm Nhận Lệnh dựa trên ngày giờ ghi nhận tại Điểm Nhận Lệnh đó. Với những lệnh giao dịch hợp lệ nộp cho Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh và được nhận bởi Đại Lý Chuyển Nhượng, NAV của Ngày Giao Dịch T sẽ được áp dụng.

3. GIAO DỊCH MUỘN VÀ CHỌN THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH

3.1 Giao Dịch Muộn

Các lệnh giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch không được phép thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó. Các giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch tiếp theo, trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.

3.2 Chọn Thời Điểm Giao Dịch

Chứng Chi Quỹ cũng như Quỹ không được coi là công cụ phục vụ việc giao dịch thường xuyên để tận dụng các biến động ngắn hạn của thị trường chứng khoán. Loại giao dịch này thường được gọi là “chọn thời điểm giao dịch” hay “lướt sóng” và có thể gây ra các thiệt hại tiềm tàng hoặc thiệt hại thực tế cho Nhà đầu tư. Theo đó, nhà đầu tư sẽ phải trả một khoản Giá Dịch Vụ Mua Lại tối đa là 3% (ba phần trăm)/NAV nếu thực hiện bán trong vòng 01 (một) tháng kể từ ngày mua Đơn Vị Quỹ, mức cụ thể sẽ được công bố trên website của VCBF tùy theo từng thời điểm.

4. MUA ĐƠN VỊ QUỸ

4.1 Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản

Nhà đầu tư mua Đơn Vị Quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ vào Đơn Đăng Ký để mua Đơn Vị Quỹ. Đơn Đăng Ký được cung cấp tại bất kỳ Đại Lý Phân Phối được ủy quyền hoặc Điểm Nhận Lệnh nào và trên trang thông tin điện tử của VCBF, www.vcbf.com. Đơn Đăng Ký phải kèm theo các bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Đơn Đăng Ký đổi

với mỗi cá nhân/tổ chức hay các bên đồng sở hữu hay người được hưởng lợi hay người được ủy quyền. Tất cả các Đơn Đăng Ký phải được ký đầy đủ.

Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Đơn Đăng Ký và cập nhật các thông tin cung cấp trong Đơn Đăng Ký. Thông tin này sẽ được lưu lại trong Sổ Đăng Ký của Quỹ và luôn chứa đựng thông tin về địa chỉ hiện tại, địa chỉ thư điện tử, nơi đăng ký thuế, và chi tiết tài khoản ngân hàng của từng Nhà đầu tư nhằm đảm bảo Nhà đầu tư nhận được đầy đủ các thông báo, báo cáo và thanh toán liên quan đến Quỹ.

Nhà đầu tư mua Đơn Vị Quỹ tại các lần tiếp theo cần điền đầy đủ vào phiếu Lệnh Mua được đính kèm theo Đơn Đăng Ký hay có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh hay trên trang thông tin điện tử của VCBF, www.vcbf.com.

Nhà đầu tư nếu muốn có thể đặt lệnh giao dịch tại hơn một Đại Lý Phân Phối, tuy nhiên cần nộp Đơn Đăng Ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại Lý Phân Phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại Lý Phân Phối khác nhau của cùng một nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, Lệnh Mua lần đầu tối thiểu cũng như số dư tài khoản tối thiểu được áp dụng cho từng Đại Lý Phân Phối. Nhà đầu tư chỉ có thể nộp các Phiếu Lệnh Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng, Hủy Lệnh hay thay đổi thông tin tài khoản của tài khoản mở tại một Đại Lý Phân Phối ở bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào của Đại Lý Phân Phối đó.

Tất cả các Điểm Nhận Lệnh bất kỳ được đề cập trong hướng dẫn về giao dịch Đơn Vị Quỹ ở các phần tiếp sau đây được hiểu là Điểm Nhận Lệnh bất kỳ của Đại Lý Phân Phối cụ thể mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch trên tài khoản mở tại Đại Lý Phân Phối đó.

4.2 Xử Lý Đơn Đăng Ký

Nhà đầu tư có thể nộp Đơn Đăng Ký hoặc Phiếu Lệnh Mua sau khi điền đầy đủ thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu vào bất kỳ Ngày Làm Việc nào tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh của bất kỳ Đại Lý Phân Phối nào. Danh sách các Điểm Nhận Lệnh được cung cấp ở cuối Bản Cáo Bạch này.

Các Đại Lý Phân Phối sẽ xử lý hồ sơ đăng ký và chuyển cho Đại Lý Chuyển Nhượng, là tổ chức sẽ đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành mở tài khoản và thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối và có thể làm trì hoãn việc hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ. Trong một số trường hợp, việc bổ sung thêm hồ sơ cũng có thể làm chậm việc hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ đăng ký. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền từ chối hồ sơ trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho bất kỳ vấn đề nào nảy sinh trong quá trình xử lý hồ sơ đăng ký.

Nhà đầu tư phải thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quỹ vào tài khoản của Quỹ để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý việc đăng ký. Mọi khoản đầu tư vào Đơn Vị Quỹ đều thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của nhà đầu tư được hưởng lợi.

Tiền mua Đơn Vị Quỹ phải được chuyển vào đúng tài khoản của Quỹ mà Nhà đầu tư đăng ký mua với nội dung chuyển khoản được công bố trên website của VCBF tùy theo

từng thời điểm. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình chuyển khoản có thể dẫn đến việc số tiền mua Đơn Vị Quỹ không được Ngân Hàng Giám Sát ghi nhận vào tài khoản của Quỹ hoặc sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ chuyển trả vào tài khoản ngân hàng mà Nhà đầu tư chỉ định trong Đơn Đăng Ký trong vòng 5 ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch gần nhất sau ngày chuyển tiền đó.

Tiền mua Đơn Vị Quỹ được ghi nhận vào tài khoản của Quỹ sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch sẽ được coi là tiền mua Đơn Vị Quỹ của Ngày Giao Dịch tiếp theo.

Trường hợp tiền mua Đơn Vị Quỹ được ghi nhận vào tài khoản của Quỹ trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch, nhưng lệnh giao dịch lại nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh hoặc không có lệnh giao dịch, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chuyển trả vào tài khoản ngân hàng mà Nhà đầu tư chỉ định trong Đơn Đăng Ký trong vòng 5 ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch trừ khi Nhà đầu tư có yêu cầu giữ lại để thực hiện mua Đơn Vị Quỹ vào Ngày Giao Dịch tiếp theo. Công ty Quản Lý Quỹ có quyền từ chối yêu cầu giữ lại của Nhà đầu tư nếu nhận thấy yêu cầu đó là không hợp lý và không thể thực hiện được.

Trường hợp lệnh giao dịch nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch, nhưng tiền mua Đơn Vị Quỹ được ghi nhận vào tài khoản của Quỹ sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh, Nhà đầu tư nộp cho Đại Lý Phân Phối một Phiếu Lệnh Mua mới trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch tiếp theo để được mua Đơn Vị Quỹ vào Ngày Giao Dịch tiếp theo đó.

4.3 Tuân Thủ

Đơn Đăng Ký mua Đơn Vị Quỹ được soạn thảo để đáp ứng các yêu cầu áp dụng cho công ty quản lý quỹ nhằm tuân thủ các quy định về Nhận Biết Khách Hàng (“KYC”) và các quy định Phòng Chống Rửa Tiền (“AML”). Vì vậy việc tất cả các giấy tờ và khai báo trong Đơn Đăng Ký cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.

Theo pháp luật Việt Nam, tất cả nhà đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Các Đơn Đăng Ký không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối.

Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm Pháp Luật cũng như không vi phạm các điều khoản của Luật áp dụng đối với thuế thu nhập, quy định về AML, chống tham nhũng, chống hối lộ và/hoặc các luật áp dụng khác ban hành bởi chính phủ Việt Nam hay chính phủ sở tại của nhà đầu tư ở các thời điểm khác nhau.

Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua Đơn Vị Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán.

Theo quy định hiện tại của Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng lưu ký ở Việt Nam. Tất cả các giao dịch

đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà đầu tư cần tham khảo các ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

4.4 Chấp Nhận Đơn Đăng Ký

VCBF có toàn quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ Đơn Đăng Ký nào theo các điều khoản của Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và các quy định về KYC và AML và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho nhà đầu tư. Các Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch kế tiếp.

Trong trường hợp VCBF từ chối Lệnh Mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi) cho nhà đầu tư trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày VCBF thông báo cho Đại Lý Chuyển Nhượng về việc từ chối đó. Đơn Vị Quỹ sẽ chỉ được ghi nhận vào tài khoản của nhà đầu tư hay của Đại Lý Ký Danh khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận đủ phần thanh toán cho Lệnh Mua của nhà đầu tư.

Lệnh Mua thành công của nhà đầu tư hay Đại Lý Ký Danh sẽ được thông báo trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc từ Ngày Giao Dịch. Số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ được làm tròn đến 2 (hai) số thập phân bằng cách làm tròn xuống số thập phân thứ hai. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn Vị Quỹ của nhà đầu tư.

4.5 Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ (“FATCA”)

FATCA đã được Quốc hội Mỹ thông qua vào tháng 3 năm 2010, có hiệu lực vào ngày 01/07/2014. Đạo luật ra đời nhằm đảm bảo người nộp thuế Mỹ tuân thủ hệ thống pháp luật thuế Mỹ và do đó thiết lập các yêu cầu về KYC tại các công ty cung cấp dịch vụ tài chính để xác minh khách hàng của mình. Chính phủ Việt Nam đã ký kết Thỏa thuận liên chính phủ với Mỹ vào tháng 7 năm 2016 để cho phép các công ty cung cấp dịch vụ tài chính Việt Nam, bao gồm: các ngân hàng, công ty bảo hiểm, các công ty quản lý quỹ và công ty chứng khoán, cung cấp các báo cáo theo yêu cầu của Sở Thuế vụ Hoa Kỳ tới cơ quan có trách nhiệm của Việt Nam là Ngân hàng Nhà nước.

Công ty Liên doanh Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, với tư cách là đơn vị bảo trợ các quỹ, đã đăng ký với Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ để trở thành tổ chức tài chính nước ngoài tham gia FATCA từ ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Các đơn vị Quỹ không được phát hành tại Mỹ và cho công dân Mỹ cũng như những người nộp thuế Mỹ trừ một số trường hợp đặc biệt theo quy định pháp luật Mỹ. Theo đó, các đăng ký sẽ được tiến hành cho trường hợp đặc biệt này tại Ủy ban chứng khoán của Mỹ. Từ tháng 7 năm 2016, phù hợp quy định pháp luật Việt Nam, việc tuân thủ các quy định của FATCA buộc VCBF phải tiết lộ thông tin về tài khoản nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp bởi người nộp thuế Mỹ hiện là Người Sở Hữu Chứng Chỉ Quỹ từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho Sở Thuế vụ Hoa Kỳ.

Việc tuân thủ quy định của FATCA buộc VCBF tiến hành quy trình KYC. Theo đó, VCBF sẽ yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin bổ sung, ngoài những thông tin có trong Đơn Đăng ký nhằm mục đích xác định tình trạng FATCA của họ. Quy trình KYC do vậy, có thể làm chậm trễ thời gian thông qua việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Các đại lý phân phối sẽ chịu trách nhiệm thông báo và yêu cầu nhà đầu tư cung cấp thêm tài liệu bổ sung để thực hiện nghĩa vụ vừa nêu.

4.6 Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Mua

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp các Lệnh Mua của nhà đầu tư cùng với tất cả các Lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được liệt kê trong mục X.9 dưới đây.

Trong trường hợp các giao dịch Đơn Vị Quỹ bị tạm dừng, Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

4.7 Các Mức Đầu Tư Tối Thiểu

Bảng 4: Các mức đầu tư tối thiểu

	<u>VND</u>
Khoản đầu tư đầu tiên	5,0 triệu
Khoản đầu tư tiếp theo	1,0 triệu

Để tránh hiểu lầm, mức đầu tư tối thiểu cho lần mua đầu tiên (5.000.000 VND) nêu trên không áp dụng đối với nhà đầu tư tham gia vào Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ (SIP) quy định tại Mục X.10 bên dưới.

Không có mức giới hạn đầu tư tối đa cho nhà đầu tư. VCBF bảo lưu quyền thay đổi các giới hạn đầu tư trên trong từng thời điểm và sẽ thông báo về các thay đổi này.

4.8 Giá Dịch Vụ Phát Hành

Đơn Vị Quỹ được phát hành tại NAV tại Ngày Giao Dịch cho mỗi Đơn Vị Quỹ cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành tương ứng cho khoản đầu tư vào Quỹ. Bảng Giá Dịch Vụ Phát Hành được cập nhật và công bố trên website của VCBF tại từng thời điểm.

Phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, VCBF có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Phát Hành đối với Đơn Vị Quỹ. Mọi thay đổi về mức giá dịch vụ này sẽ được cập nhật và thông báo trên website của VCBF tùy theo từng thời điểm.

5. BÁN ĐƠN VỊ QUỸ

5.1 Phiếu Lệnh Bán

Nhà đầu tư có thể bán Đơn Vị Quỹ vào bất kỳ Ngày Giao Dịch nào bằng cách nộp Lệnh Bán tới một Điểm Nhận Lệnh bất kỳ trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch đó. Phiếu Lệnh Bán được đính kèm theo Đơn Đăng Ký hoặc có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh và trên trang điện tử của VCBF, www.vcbf.com. Tất cả các Phiếu Lệnh Bán phải được ký tên đầy đủ.

5.2 Quy Trình Xử lý Lệnh Bán

Nhà đầu tư đặt Lệnh Bán bằng số Đơn Vị Quỹ muốn bán.

Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ xử lý tất cả các Lệnh Bán nhận trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch kế tiếp, và đảm bảo các thông tin trong Lệnh Bán đầy đủ và nhất quán và Nhà đầu tư có đủ số Đơn Vị Quỹ trong tài khoản để bán. Đơn vị Quỹ được

mua lại từ tài khoản của Nhà đầu tư theo nguyên tắc nhập trước xuất trước. Nếu một Lệnh Bán có số lượng Đơn Vị Quỹ nhiều hơn số đang nắm giữ trong tài khoản, tài khoản sẽ bị đóng băng cách bán toàn bộ số dư còn lại trong tài khoản và khoản tiền bán ròng sẽ được chuyển trả cho Nhà đầu tư.

Lệnh Bán Được Chấp Nhận không thuộc trường hợp được thực hiện một phần bởi các điều kiện liên quan đến Lệnh Bán một phần như đề trong mục X.5.4 sẽ được giao dịch tại NAV tại Ngày Giao Dịch trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế (nếu có), dựa trên ngày giờ nhận Lệnh Bán tại Điểm Nhận Lệnh, theo ngày giờ xác nhận tại Điểm Nhận Lệnh.

Sau khi thực hiện các Lệnh Bán Được Chấp Nhận, số Đơn Vị Quỹ đã bán sẽ được trừ ra từ tổng số Đơn Vị Quỹ trong tài khoản của Nhà đầu tư và bảng kê mới về số Đơn Vị Quỹ nắm giữ sẽ được gửi đến Nhà đầu tư.

5.3 Lệnh Bán Tối Thiểu và Số Dư Tài Khoản Tối Thiểu

Lệnh Bán tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ, ngoại trừ trường hợp Lệnh Bán yêu cầu giảm số Đơn Vị Quỹ nắm giữ về 0 (không) và đóng tài khoản.

Tài khoản của Nhà đầu tư sẽ bị đóng khi số dư tài khoản giảm xuống dưới 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ do các Lệnh Bán của Nhà đầu tư. Trong trường hợp nếu việc thực hiện Lệnh Bán của Nhà đầu tư dẫn đến số Đơn Vị Quỹ nắm giữ xuống dưới số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ, Lệnh Bán sẽ được thực hiện đối với toàn bộ số Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đang nắm giữ để số dư mới tại tài khoản sẽ bằng 0 (không).

VCBF có quyền thay đổi các mức bán tối thiểu và số dư tài khoản tối thiểu này trong từng thời điểm.

5.4 Thực Hiện Một Phần Lệnh Bán và Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Bán

Nhà đầu tư cần lưu ý là trong một số trường hợp Lệnh Bán sẽ không thể thực hiện toàn bộ hoặc Lệnh Bán có thể bị tạm dừng thực hiện.

Thực Hiện Một Phần Lệnh Bán/Lệnh chuyển đổi Quỹ

Trong các trường hợp sau, Quỹ chỉ có thể thực hiện một phần Lệnh Bán và Chuyển Đổi Quỹ của Nhà đầu tư:

- (a) Tổng giá trị của các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Mua nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) cho một Ngày Giao Dịch lớn hơn 10% (mười phần trăm) của NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ; hoặc
- (b) Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Nhà đầu tư cho một Ngày Giao Dịch dẫn đến NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Trong các trường hợp này, việc thực hiện một phần Lệnh Bán và Lệnh Chuyển Đổi sẽ được thực hiện theo tỷ lệ. Phần còn lại chưa thực hiện của các Lệnh này sẽ bị hủy.

Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số dư tối thiểu cho các Lệnh



Bán và số dư tài khoản sẽ không áp dụng.

Tạm dừng thực hiện Lệnh Bán

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp, các Lệnh Bán cùng với tất cả các lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được quy định chi tiết tại phần X.9 dưới đây.

Trong trường hợp các lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ bị tạm dừng thực hiện, Lệnh Bán đã nhận sẽ được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại, trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế, nếu có.

5.5 Giá Dịch Vụ Mua Lại

Giá Dịch Vụ Mua Lại được tính theo phần trăm của NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ và sẽ được trừ khỏi NAV tại Ngày Giao Dịch để tính Giá Mua Lại. Nếu được áp dụng, thuế giao dịch chứng khoán sẽ được trừ từ tổng giá trị bán.

Giá mua lại trên một Đơn Vị Quỹ = NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ
× (1 – Giá Dịch Vụ Mua Lại trên một Đơn Vị Quỹ)

Tiền thu được từ việc mua lại Đơn Vị Quỹ (sau khi đã trừ giá dịch vụ và thuế) sẽ Công Ty Quản Lý Quỹ được hoàn trả cho Nhà Đầu Tư trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch. Giá dịch vụ ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền bán Đơn Vị Quỹ tới tài khoản của Nhà đầu tư sẽ được khấu trừ từ tiền bán Đơn Vị Quỹ.

Tiền bán Đơn Vị Quỹ sẽ được chuyển khoản tới tài khoản ngân hàng mang tên Nhà đầu tư với số tài khoản đã đăng ký ban đầu trong Sổ Đăng Ký. Nhà đầu tư cần đảm bảo thông tin tài khoản trong Sổ Đăng Ký là chính xác để tránh chậm trễ hoặc không nhận được tiền thanh toán bán Đơn Vị Quỹ. Đối với các khoản thanh toán bị trả về từ ngân hàng thụ hưởng, Nhà đầu tư sẽ chịu các khoản chi phí phát sinh liên quan việc sửa lệnh (nếu có) nếu do lỗi của Nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư sửa đổi, cập nhật thông tin tại Đại Lý Phân Phối.

Phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, VCBF có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Mua Lại Đơn Vị Quỹ. VCBF có thể thay đổi cơ cấu giá dịch vụ để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá mua lại khác hoặc chi phí chống pha loãng như đã đề cập tại Mục IV.11. Mọi thay đổi về mức giá dịch vụ sẽ được cập nhật và thông báo trên website của VCBF tùy theo từng thời điểm.

6. CHUYỂN ĐỔI QUỸ

6.1 Phiếu Lệnh Chuyển Đổi Quỹ

Nhà đầu tư có thể chuyển đổi sang Quỹ khác do VCBF quản lý bằng Lệnh Chuyển Đổi. Phiếu Lệnh Chuyển Đổi được đính kèm theo Đơn Đăng Ký, hoặc có tại Điểm Nhận Lệnh và trên trang thông tin điện tử www.vcbf.com của VCBF. Đối với Lệnh Chuyển Đổi, toàn bộ tiền bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ này sau khi trừ giá dịch vụ và thuế, nếu có, sẽ dùng để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.

6.2 Xử lý các Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh Chuyển Đổi được xử lý bởi Đại Lý Chuyển Nhượng như là Lệnh Bán và tiếp theo sau là Lệnh Mua được thực hiện trong hai Ngày Giao Dịch liền kề nhau.

Lệnh Chuyển Đổi xác định một số lượng Đơn Vị Quỹ được bán để chuyển sang một quỹ mới.

6.3 Mức Tối Thiểu Cho Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh Chuyển Đổi tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp số dư nhỏ hơn được chuyển đổi và số dư tài khoản Quỹ được bán giảm về không thì Lệnh Chuyển Đổi thấp hơn mức tối thiểu sẽ được chấp nhận. Số dư tài khoản tối thiểu 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ được áp dụng cho tài khoản Quỹ chuyển đến từ việc chuyển đổi. Đại Lý Phân Phối sẽ được hướng dẫn để không chấp nhận Lệnh Chuyển Đổi trong trường hợp Quỹ mục tiêu không đạt số dư tối thiểu và sẽ đề nghị nhà đầu tư đặt thêm Lệnh Mua để đảm bảo khoản đầu tư vào Quỹ mục tiêu đạt số dư tối thiểu 100 Đơn Vị Quỹ.

Tài khoản của Nhà đầu tư sẽ bị đóng khi số dư tài khoản giảm xuống dưới 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ do các Lệnh Chuyển Đổi của Nhà đầu tư. Trong trường hợp nếu việc thực hiện Lệnh Chuyển Đổi của Nhà đầu tư dẫn đến số Đơn Vị Quỹ nắm giữ xuống dưới số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ, Lệnh Chuyển Đổi sẽ được thực hiện đối với toàn bộ số Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đang nắm giữ để số dư mới tại tài khoản sẽ bằng 0 (không).

6.4 Thực Hiện Một Phần Lệnh Chuyển Đổi

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng Lệnh Chuyển Đổi có thể chỉ được thực hiện một phần nếu Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi chỉ được thực hiện một phần. Các trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần được quy định chi tiết tại mục X.5.4. Phần chưa được thực hiện của Lệnh Chuyển Đổi được thực hiện một phần sẽ bị hủy.

6.5 Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Chuyển Đổi

Trong một vài trường hợp Lệnh Chuyển Đổi cùng các lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp được này được nêu tại mục X.9 bên dưới.

Trong các trường hợp tạm dừng thực hiện các giao dịch Đơn Vị Quỹ, Lệnh Chuyển Đổi đã nhận sẽ được thực hiện tại NAV tại Ngày Giao Dịch trừ đi thuế và Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi, nếu có, tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

6.6 Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi

Nhà đầu tư chỉ phải trả Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi nếu Giá Dịch Vụ Phát Hành tại Quỹ mục tiêu cao hơn Quỹ rời đi tại thời điểm chuyển đổi. Trong các trường hợp khác, nhà đầu tư không phải trả Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi.

Nhà đầu tư không phải trả Giá Dịch Vụ Mua Lại cho Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi. Các khoản thuế giao dịch, nếu có, sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi. Thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ được chuyển đổi sang Quỹ mục tiêu sẽ được tính lại từ đầu kể từ ngày Lệnh Chuyển Đổi Quỹ được thực hiện.

7. CHUYỂN NHƯỢNG PHI THƯƠNG MẠI ĐƠN VỊ QUỸ

7.1 Đơn Chuyển Nhượng

Nhà đầu tư có thể Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ cho nhà đầu tư khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của toà án. Lệnh Chuyển Nhượng chỉ được thực hiện dưới dạng số lượng Đơn Vị Quỹ, bao gồm cả phần lẻ của Đơn Vị Quỹ. Nhà đầu tư chuyển nhượng cần điền Lệnh Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ với điều kiện là số lượng Chuyển Nhượng phải bằng hoặc lớn hơn số dư tối thiểu khi mở tài khoản và luôn luôn phải đảm bảo tuân thủ điều kiện như nêu tại Mục X.7.3 dưới đây nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là Nhà đầu tư.

7.2 Xử Lý Các Đơn Chuyển Nhượng

Nhà đầu tư muốn thực hiện Chuyển Nhượng hoặc người thừa hưởng thừa kế trong trường hợp thừa kế có thể nộp Lệnh Chuyển Nhượng tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào. Lệnh Chuyển Nhượng được kèm theo Đơn Đăng Ký tại các Điểm Nhận Lệnh và trên trang điện tử của VCBF, www.vcbf.com. Nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là Nhà đầu tư, người nhận chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ sẽ phải nộp thêm các giấy tờ khác như quy định cho người mua Đơn Vị Quỹ lần đầu và trong trường hợp thừa kế, người thừa kế sẽ phải nộp các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu.

7.3 Tuân thủ

Để tuân thủ các quy định về KYC và AML, người nhận chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ sẽ phải tuân theo các thủ tục như khi mở tài khoản mới, quy định chi tiết tại Mục X.4.3.

7.4 Xác Nhận Lệnh Chuyển Nhượng

Các Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận được thực hiện bởi Đại Lý Chuyển Nhượng trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ bộ hồ sơ hợp lệ.

7.5 Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng

Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng tối đa là 300.000 VNĐ cho một giao dịch chuyển nhượng, do bên chuyển nhượng thanh toán.

8. HỦY LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ

Nhà đầu tư có thể hủy các lệnh giao dịch bằng cách điền và nộp Phiếu Hủy Lệnh cho các Điểm Nhận Lệnh của Đại Lý Phân Phối của họ trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh áp dụng cho các giao dịch đó.

9. TẠM DỪNG THỰC HIỆN CÁC LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ

Nhà đầu tư cần lưu ý là việc thực hiện các lệnh giao dịch – Mua, Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ có thể sẽ bị tạm dừng một hoặc nhiều Ngày Giao Dịch vì tình hình vượt ngoài tầm kiểm soát của VCBF. Tất cả Điểm Nhận Lệnh sẽ được thông báo trong các trường hợp giao dịch bị tạm dừng và thông báo sẽ được đăng trên trang điện tử của VCBF, www.vcbf.com.

Việc thực hiện các giao dịch Đơn Vị Quỹ có thể bị tạm dừng do một trong các sự kiện sau:

- (a) Các điều kiện bất khả kháng;
- (b) Không thể xác định được NAV của Quỹ tại Ngày Giao Dịch do các Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc do các Sở giao dịch chứng khoán tạm dừng giao dịch;
- (c) Việc tạm ngừng là cần thiết cho mục đích kỹ thuật hoặc lý do phát sinh từ việc tạm ngừng dịch vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc Đại Lý Chuyên Nhận; hoặc
- (d) Các trường hợp khác theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt, các giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ được thực hiện trở lại vào Ngày Giao Dịch tiếp theo. Theo luật, thời gian tạm dừng thực hiện các Lệnh Mua và Bán Đơn Vị Quỹ sẽ không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ Ngày Giao Dịch trước. Trong trường hợp giao dịch không thể tiếp tục trong khoảng thời gian tạm dừng tối đa nêu trên, thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng trên, VCBF sẽ tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư để xin ý kiến Nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ, tách Quỹ hoặc kéo dài thời gian tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định ở trên chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

10. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ (SIP)

SIP là một chương trình đầu tư định kỳ có hệ thống cho phép nhà đầu tư có thể đầu tư một khoản tiền một cách thường xuyên – định kỳ hàng tháng. Ở nhiều nước, SIP đã chứng minh được lợi ích với các nhà đầu tư quỹ mở nhờ việc đảm bảo tính kỷ luật, đầu tư dài hạn và bình quân giá của các khoản đầu tư.

Quỹ có hai chương trình SIP:

- (i) SIP cố định (SIP-Fixed): mỗi tháng thực hiện một lần với số tiền đầu tư cố định (không thấp hơn mức đầu tư tối thiểu) được Nhà Đầu Tư ấn định tại thời điểm đăng ký tham gia SIP. Nhà Đầu Tư có thể thay đổi mức đầu tư của SIP bằng cách thay đổi đăng ký SIP với Đại Lý Phân Phối của mình. Lệnh mua SIP sẽ được thực hiện theo số tiền đầu tư mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký.
- (ii) SIP linh hoạt (còn gọi là SIP-Flex): mỗi tháng thực hiện một lần với số tiền đầu tư tùy chọn (không thấp hơn mức đầu tư tối thiểu). Nhà Đầu Tư không cần ấn định mức đầu tư của SIP và có thể linh hoạt thay đổi mức đầu tư tại bất kỳ thời điểm nào tùy thuộc vào nhu cầu mà không cần phải đăng ký với Đại Lý Phân Phối. Lệnh mua SIP sẽ được thực hiện trên toàn bộ số tiền đầu tư mà Quỹ nhận được.

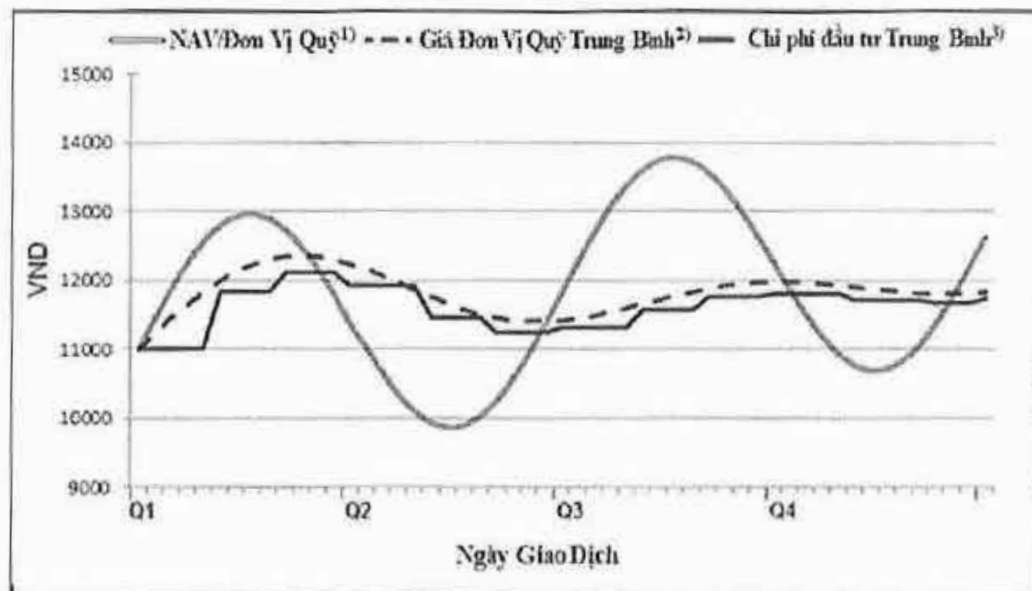
Nhà Đầu Tư có thể lựa chọn chương trình SIP tham gia tùy theo nhu cầu đầu tư của mình.

10.1 Chi Phí Trung Bình Của Một Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP

Chi phí trung bình cho một Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ thường cho phép các nhà đầu tư tiết kiệm một cách hiệu quả trong thời gian dài và lợi ích từ biến động giá qua từng thời kỳ. Bảng 6 dưới đây sẽ thể hiện nguyên tắc cơ bản với các số liệu giả định. Bằng việc giữ kỷ luật đầu tư hàng tháng trong một thời gian dài nhất định, nhà đầu tư có được

lợi ích từ sự biến động giá trên một Đơn Vị Quỹ; giá trung bình cho một Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ có thể thấp hơn giá trung bình của Đơn Vị Quỹ mà nhà đầu tư đã đầu tư vào một lượng nhất định Đơn Vị Quỹ.

Bảng 5: Sự thay đổi của chương trình đầu tư định kỳ SIP với các NAV giả định



Ghi chú:

- 1) NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ trong mỗi Ngày Giao Dịch
- 2) Giá trung bình Đơn Vị Quỹ nếu nhà đầu tư mua số lượng Đơn Vị Quỹ cố định cho mỗi Ngày Giao Dịch
- 3) Chi phí đầu tư trung bình trên mỗi Đơn Vị Quỹ nếu đầu tư một khoản cố định định kỳ tại NAV vào Ngày Giao Dịch đầu tiên của mỗi tháng

Chìa khóa để đạt được lợi ích này là khi số lượng Đơn Vị Quỹ được mua nhiều với giá thấp và ít Đơn Vị Quỹ được mua khi giá cao, sẽ làm giảm chi phí đầu tư trung bình. Như được thể hiện ở Bảng 6, giá trung bình giảm khi thị trường xuống với các khoản đầu tư liên tục và cho phép các khoản đầu tư này hiệu quả khi giá mỗi Đơn Vị Quỹ cao trở lại.

Tuy nhiên, nhà đầu tư cần lưu ý rằng NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ biến động kéo theo những thiệt hại nhất định. Trước khi thực hiện bất kỳ chương trình đầu tư định kỳ SIP nào, nhà đầu tư cần lưu ý rằng chương trình này không đảm bảo mang lại lợi nhuận hoặc không đảm bảo nhà đầu tư không bị thua lỗ.

10.2 Sử Dụng Các Lệnh Tự Động Hoặc Lệnh Chờ Để Thực Hiện Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP

Các nhà đầu tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản đều đặn hàng tháng với số tiền cố định đối với SIP cố định hoặc tùy biến đối với SIP linh hoạt. Đại Lý Phân Phối sẽ có thể hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc đưa ra một chương trình SIP và tân suất thanh toán phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư.

Nhiều ngân hàng tại Việt Nam cung cấp dịch vụ cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp giúp nhà đầu tư có thể thực hiện một chương trình chuyên tiền định kỳ. VCB, cổ đông lớn của VCBF, cung cấp các dịch vụ này thông qua dịch vụ Ngân hàng trực tuyến của

mình cũng như thông qua mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch rộng khắp. Nhà đầu tư có thể đặt lệnh chuyển tiền định kỳ ở ngân hàng của mình trong một khoảng thời gian phù hợp với nhu cầu đầu tư tới tài khoản chỉ định của quỹ để thực hiện giao dịch. Một số ngân hàng cũng có thể chấp nhận và thực hiện thanh toán theo các lệnh chờ thanh toán của nhà đầu tư theo đó khoản đầu tư cho SIP sẽ được thực hiện mà không cần phải nộp chỉ thị ngân hàng mỗi tháng.

10.3 Khoản Đầu Tư Tối Thiểu Cho Chương Trình SIP

Mức đầu tư tối thiểu định kỳ hàng tháng cho chương trình SIP là 1.000.000 VND (một triệu đồng). Để tránh hiểu lầm, mức đầu tư tối thiểu cho lần mua đầu tiên (5.000.000 VND) được nêu tại Điều X.4.7 bên trên sẽ không áp dụng đối với nhà đầu tư tham gia vào chương trình SIP.

Các chương trình SIP có thời hạn tối thiểu là 1 (một) năm và có thể kéo dài không hạn định. Việc mua lại Đơn Vị Quỹ được thực hiện trên nguyên tắc nhập trước xuất trước. Do đó các Đơn Vị Quỹ ban đầu sẽ được mua lại trước, sau đó đến các Đơn Vị Quỹ được mua vào ngày tiếp theo, dù các lệnh mua đó có được thực hiện theo một hoặc nhiều thỏa thuận SIP hay không. Việc mua lại Đơn Vị Quỹ cũng được thực hiện cho từng chương trình SIP riêng biệt.

10.4 Ngày Thanh Toán và Thời Điểm Đóng Số Lệnh cho các khoản đầu tư SIP

Nhà Đầu Tư giao dịch SIP mỗi tháng 1 (một) lần tại 1 (một) Ngày Giao Dịch của Quỹ như nêu tại Điều X.1 bên trên. Để tránh hiểu lầm, Nhà Đầu Tư có thể giao dịch SIP tại một Ngày Giao Dịch bất kỳ trong tháng.

Nhà Đầu Tư cần thanh toán cho khoản đầu tư SIP vào tài khoản chỉ định của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát dành riêng cho từng chương trình SIP. Khoản đầu tư SIP sẽ được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch nếu Ngân Hàng Giám Sát nhận được tiền mua trước Thời Điểm Đóng Số Lệnh của Ngày Giao Dịch đó như nêu tại Điều X.2 bên trên. Các khoản đầu tư SIP nhận được sau Thời Điểm Đóng Số Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch liền sau trong tháng.

10.5 Giảm Giá Dịch Vụ Cho Chương Trình SIP

Nhà đầu tư có thể được giảm Giá Dịch Vụ Phát Hành nếu đồng ý đầu tư theo SIP. Mức giảm được quy định công bố trên website của VCBF tại từng thời điểm.

10.6 Chấm dứt chương trình SIP và chi phí rời SIP

Chương trình SIP được coi là chấm dứt khi:

- i. Nhà Đầu Tư hủy khoản đầu tư SIP;
- ii. Khoản đầu tư SIP bị chấm dứt do chuyển sang một quỹ khác.
- iii. Khoản đầu tư SIP bị chấm dứt khi nhà đầu tư không thực hiện giao dịch mua thành công trong hai tháng liên tiếp. Trường hợp nhà đầu tư muốn tiếp tục đầu tư SIP, nhà đầu tư cần thực hiện đăng ký lại và khoản đầu tư này sẽ không được coi là nối tiếp của các khoản đầu tư SIP trước đó. Để tránh hiểu lầm, thời gian

bắt đầu chương trình sẽ được tính riêng biệt cho khoản đầu tư SIP đã bị chấm dứt và khoản đầu tư SIP được đăng ký mới.

Trường hợp Đơn Vị Quỹ trong chương trình SIP được bán trước ngày tròn 1 (một) năm kể từ ngày bắt đầu chương trình SIP, nhà đầu tư sẽ phải trả một khoản chi phí rời SIP công thêm vào giá dịch vụ mua lại như nêu tại điều XII.1.2 bên dưới.

Giá dịch vụ mua lại tiêu chuẩn được áp dụng đối với việc bán khoản đầu tư SIP trong các trường hợp khác và được công bố trên website của VCBF tại từng thời điểm.

XI. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

1. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá Trị Tài Sản Ròng (NAV) cho mỗi Đơn Vị Quỹ bằng NAV của Quỹ chia cho tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại thời điểm tương ứng.

NAV là tổng giá trị thị trường của các tài sản của Quỹ trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tính đến ngày làm việc gần nhất trước Ngày Định Giá.

$$\text{NAV/Đơn Vị Quỹ} = \frac{(\text{Tổng giá trị thị trường của tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ của Quỹ})}{\text{Tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành của Quỹ}}$$

NAV được tính cho mỗi Ngày Giao Dịch của Quỹ như được định nghĩa tại Mục X.1 của Bản Cáo Bạch này và sẽ được tính làm tròn xuống đến 2 (hai) số thập phân.

Ví dụ sau đây cho minh họa cách tính NAV của Quỹ cho một Ngày Định Giá T cụ thể theo các giả định được đưa ra:

Bảng 6: Bảng tính toán NAV giả định của một Quỹ

Khoản mục	Đơn vị	Giá trị
Thị giá của tất cả chứng khoán tại ngày T-1	VNĐ	80.000.000.000,00
Tiền và tương đương tiền tại ngày T-1	VNĐ	6.000.000.000,00
Tài sản khác tại ngày T-1	VNĐ	2.000.000.000,00
Nợ của Quỹ tại ngày T-1	VNĐ	10.000.000.000,00
Số lượng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại T-1	Đơn vị	7.000.000,00
Tổng tài sản tại ngày T-1		88.000.000.000,00
Trừ nợ của Quỹ tại ngày T-1		<u>10.000.000.000,00</u>
NAV của Quỹ tại Ngày Định Giá T	=	78.000.000.000,00
<i>NAV trên một Đơn Vị Quỹ:</i>	=	<i>78.000.000.000 / 7.000.000</i> <i>= 11.142,85 VNĐ / đơn vị</i>

NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và sẽ được công bố trên trang web của VCBF, www.vcbf.com, và trên trang công bố

thông tin của UBCKNN tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định Giá với điều kiện các trang điện tử này hoạt động bình thường. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.

2. NGÀY ĐỊNH GIÁ

Ngày Định Giá là ngày xác định NAV của Quỹ, bao gồm tất cả các Ngày Giao Dịch (hiện tại là Thứ Tư hàng tuần) và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

3. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

3.1 Giá Trị Của Tài Sản

Việc định giá tài sản của Quỹ, bao gồm cả các quyền, và việc tính toán NAV của Quỹ sẽ phải theo các quy tắc và quy định áp dụng cho từng thời điểm, được quy định trong Điều Lệ và sẽ được kiểm toán hàng năm. Chính sách kế toán phải phù hợp với các quy định hiện hành. Chính sách định giá tài sản của Quỹ được quy định tại Sổ Tay Định Giá, được phê chuẩn bởi Ban Đại Diện Quỹ và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ, với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng A: Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá
3	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá
4	Tin phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá;
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá)

Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	<p>- Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường (được chi tiết trong sổ tay định giá), là một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đảo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p>
7	Trái phiếu không niêm yết	<p>- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</p> <p>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>Trường hợp trái phiếu chính phủ/ trái phiếu chính phủ bảo lãnh/ trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.</p>
Cổ phiếu		

8	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	<p>- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.</p>
9	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <p>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</p> <p>- Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>- Mệnh giá;</p>
10	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <p>- 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
11	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF.</p> <p>- Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</p>

		+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.
12	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$ Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = $\text{Số cổ phiếu được mua} / \text{Số lượng quyền mua sở hữu.}$
Chứng khoán phái sinh		
13	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
15	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. Trường hợp cần áp dụng một phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía dưới nhưng được đánh giá là thích hợp hơn trong khi các phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía trên vẫn có số liệu, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ phải xin phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ.

- Các phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được quy định chi tiết tại Sổ Tay Định Giá.

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá;



- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu để tham khảo. Nguyên tắc lấy thông tin trên hệ thống báo giá được quy định chi tiết trong Sổ Tay Định Giá.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B. GIÁ TRỊ CAM KẾT TỪ CÁC HỢP ĐỒNG PHÁI SINH

1. Giá trị cam kết là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại

4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

3.2 Số Tay Định Giá và Hội Đồng Định Giá

Trong trường hợp xác định giá thị trường cho một khoản đầu tư của Quỹ, VCBF sẽ áp dụng Số Tay Định Giá tuân thủ với Pháp Luật và phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc xác định một phương pháp định giá để có thể ước tính giá trị hợp lý của khoản đầu tư đó cho mỗi trường hợp cụ thể. Ước tính giá trị hợp lý là xác định một cách hợp lý nhất giá trị có thể bán được của khoản đầu tư trong một giao dịch hiện tại giữa hai bên sẵn sàng tham gia giao dịch. Việc định giá khoản đầu tư này nếu cần thiết sẽ được phê chuẩn của Ban Đại diện Quỹ và/hoặc Hội Đồng Định Giá. Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

Nhà đầu tư nên lưu ý rằng chế độ kế toán Quỹ Mở theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định khác của Luật được ưu tiên hơn các thông lệ quốc tế tốt nhất trong trường hợp những quy định cụ thể được ban hành có thể khác với thông lệ quốc tế tốt nhất. Do đó, việc áp dụng chế độ kế toán theo quy định của Luật có thể làm NAV cao hơn hoặc thấp hơn so với nếu áp dụng thông lệ quốc tế. Sự khác biệt quan trọng giữa quy định hiện hành và thông lệ quốc tế xảy ra trong việc ghi nhận các khoản phải thu (chẳng hạn như mua cổ phiếu hoặc cổ phiếu thường hoặc quyền mua cổ phiếu), mà theo quy định của Luật chỉ có thể xảy ra vào ngày thanh toán và ngày xác nhận của Trung tâm lưu ký (trong trường hợp cổ phiếu thường hoặc quyền mua) (thay vì vào ngày giao dịch hoặc ngày không hưởng quyền theo tiêu chuẩn quốc tế).

XII. CÁC LOẠI GIÁ DỊCH VỤ VÀ CHI PHÍ

1. GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH

Các loại giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến việc giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ do nhà đầu tư trả và không được tính vào chi phí của Quý. VCBF bảo lưu quyền thay đổi biểu giá dịch vụ giao dịch này phù hợp với Điều Lệ và quy định pháp luật.

Các khoản chi phí giao dịch như sau:

1.1 Giá Dịch Vụ Phát Hành

Giá Dịch Vụ Phát Hành có thể được áp dụng khi nhà đầu tư mua các Đơn Vị Quỹ. Giá Dịch Vụ Phát Hành ở mức tối đa 5,0% (năm phần trăm) giá trị Lệnh Mua, mức cụ thể được cập nhật, công bố trên website của VCBF. Giá Dịch Vụ Phát Hành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh Mua và được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối (theo hợp đồng giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối). Tùy thuộc vào giá trị mua của từng Lệnh Mua, dù là mua lần đầu hay mua định kỳ hàng tháng, hay các lần mua tiếp theo, Giá Dịch Vụ Phát Hành được tính trên giá trị thanh toán bởi nhà đầu tư cho mỗi Lệnh Mua tại Ngày Giao Dịch.

Các khoản tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu Giá Dịch Vụ Phát Hành. Nhà đầu tư tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP có thể được giảm trừ Giá Dịch Vụ Phát Hành như công bố trên website của VCBF tại từng thời điểm.

Phù hợp quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, VCBF có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Phát Hành bất kỳ lúc nào. Mọi thay đổi về mức giá dịch vụ sẽ được cập nhật và công bố trên website của VCBF tùy theo từng thời điểm.

Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng đối với Quỹ Hưu trí có thể thấp hơn hoặc được miễn hoàn toàn so với các khoản được quy định ở trên, và sẽ theo các tài liệu liên quan của hưu trí.

1.2 Giá Dịch Vụ Mua Lại

Nhà đầu tư được khuyến khích nắm giữ các Đơn Vị Quỹ như một phần của các khoản đầu tư dài hạn và chương trình tiết kiệm hưu trí. Quỹ mở không được thiết kế cho mục đích mua bán ngắn hạn. Việc nhà đầu tư thường xuyên mua đi và bán lại Đơn Vị Quỹ, vốn được thiết kế để đạt được lợi nhuận dài hạn sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu lợi nhuận của nhà đầu tư khi đầu tư vào Quỹ cũng như lợi nhuận của Quỹ. Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng cho NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ. Giá Dịch Vụ Mua Lại tối đa 3,0% (ba phần trăm) trên NAV của số lượng bán CCQ bán ra, mức cụ thể được cập nhật và công bố trên website của VCBF tùy theo từng thời điểm.

Chi phí rời SIP được áp dụng cho giao dịch bán của Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP có thời gian nắm giữ dưới một (01) năm kể từ ngày bắt đầu.

Chi phí rời SIP cụ thể được công bố trên website của VCBF tại từng thời điểm. Chi phí rời SIP cộng với giá dịch vụ mua lại trong mọi trường hợp sẽ không quá 3% (ba phần trăm) trên NAV của giá trị giao dịch.

Thời gian nắm giữ được tính toán cho mỗi lần mua, bán sử dụng phương pháp mặc định là mua trước, bán trước.

Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các nhà đầu tư khi thực hiện các Lệnh Bán. Giá Dịch Vụ Mua Lại được thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ.

Phù hợp quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, VCBF có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Mua Lại bất kỳ lúc nào. VCBF có quyền thay đổi cơ cấu giá dịch vụ để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá mua lại khác hoặc phí chống pha loãng như đã đề cập tại Mục IV.11. Mọi thay đổi về mức giá dịch vụ mua lại sẽ được công bố trên website của VCBF tại từng thời điểm.

Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Quỹ Hưu trí có thể thấp hơn hoặc được miễn hoàn toàn so với các khoản được quy định ở trên, và sẽ theo các tài liệu liên quan của quỹ hưu trí.

1.3 Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ

Ngoại trừ trường hợp được miễn Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ theo quy định của pháp luật, Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi tối đa là mức chênh lệch giữa Giá Dịch Vụ Phát Hành của Quỹ mục tiêu với Giá Dịch Vụ Phát Hành của Quỹ rời đi tại thời điểm thực hiện việc chuyển đổi nếu sự khác biệt này là lớn hơn không và được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối (theo hợp đồng giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối). Mức giá cụ thể sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ công bố và cập nhật trên website tùy theo từng thời điểm

Lệnh Chuyển Đổi Quỹ sẽ không bị tính Giá Dịch Vụ Mua Lại. Thời gian nắm giữ các Đơn Vị Quỹ của Quỹ mục tiêu được tính lại từ thời điểm chuyển đổi.

Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ áp dụng đối với Quỹ Hưu trí có thể thấp hơn hoặc được miễn hoàn toàn so với các khoản được quy định ở trên, và sẽ theo các tài liệu liên quan của.

1.4 Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng

Nhà đầu tư phải trả một mức Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng tối đa là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ. Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF. Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng do người thực hiện chuyển nhượng thanh toán và được trả cho Đại Lý Phân Phối.

Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng áp dụng đối với Quỹ Hưu trí có thể thấp hơn hoặc được miễn hoàn toàn so với các khoản được quy định ở trên, và sẽ theo các tài liệu liên quan của quỹ hưu trí.

2. CHI PHÍ ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ QUỸ

Chỉ có các loại giá dịch vụ và các chi phí liên quan trực tiếp hoặc đóng góp vào các hoạt động và điều hành của Quỹ mới được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ. Xin lưu ý các loại giá dịch vụ dưới đây là các mức đang áp dụng và các mức giá dịch vụ này có thể sẽ thay đổi trong tương lai. Các loại giá dịch vụ này bao gồm:

2.1 Giá Dịch Vụ Quản Lý

Giá dịch vụ quản lý được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho VCBF. Giá dịch vụ quản lý hàng năm cho Quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên NAV như sau:

Bảng 7: Biểu Giá Dịch Vụ Quản Lý

Quỹ	Giá Dịch Vụ Quản lý (% của NAV/năm)
Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF (VCBF-FIF)	Tối đa 0,9%/năm

Giá dịch vụ quản lý cụ thể và thời gian áp dụng sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF Tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2 Giá Dịch Vụ Giám Sát

Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VND (Mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 11.000.000 VND (Mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho 6 (sáu) tháng đầu tiên được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều Lệ. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2.3 Giá Dịch Vụ Lưu Ký

Giá Dịch Vụ Lưu Ký là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VND (Mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 11.000.000 VND (Mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho sáu tháng đầu tiên được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều Lệ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm chi phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.

2.4 Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VND (mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu này được miễn áp dụng trong vòng 6 (sáu) tháng đầu tiên tính từ ngày Điều lệ có hiệu lực. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2.5 Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng là 10.000.000 VND (Mười triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được

thanh toán định kỳ theo thỏa thuận Đại Lý Chuyên Nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2.6 Giá Dịch Vụ Kiểm Toán

Giá Dịch Vụ Kiểm Toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

2.7 Phụ Cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các trách nhiệm. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

2.8 Chi Phí Khác

- (a) Chi phí môi giới cho các giao dịch của Quỹ.
- (b) Chi phí in ấn, như chi phí in ấn tài liệu cho nhà đầu tư theo yêu cầu của pháp luật;
- (c) Phí định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;
- (d) Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban đại diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
- (e) Lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ và lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ nộp cho cơ quan nhà nước;
- (f) Chi phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác được Pháp Luật cho phép;
- (g) Thuế và các loại phí bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và
- (h) Các chi phí khác được Pháp Luật cho phép.

XIII. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tên công ty:	Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2/12/2005
Trụ sở chính:	Tầng 15, Toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại:	024 – 39364540
Fax:	024 – 39364 542
Chi nhánh:	Tầng 14, Centec Tower, 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Thời hạn hoạt động:	30 năm
Vốn Điều Lệ:	265 (Hai trăm sáu mươi lăm) tỷ Đồng

1.1 Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

- Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“VCBF”) là công ty liên doanh giữa ngân hàng uy tín hàng đầu Việt Nam, Vietcombank (“VCB”), nắm giữ 51,0% (năm mươi một phần trăm), và công ty quản lý quỹ toàn cầu, Franklin Templeton (“FTI”), nắm giữ 49,0% (bốn mươi chín phần trăm).
- VCBF cung cấp các cơ hội đầu tư đa dạng tại Việt Nam thông qua dịch vụ Quản lý Tài Sản (“QLTS”) và Quản Lý Quỹ Đầu Tư (“QLQĐT”).
- VCBF có tổng cộng 12 nhân viên đầu tư với thời gian làm việc tại VCBF trung bình hơn 7,5 năm, kinh nghiệm trong ngành tài chính trung bình gần 6,5 năm, trong đó có 3 nhân viên là Thành viên của Hiệp hội các nhà Phân tích Tài chính Hoa Kỳ (CFA). VCBF có tổng cộng 10 nhân viên có Chứng chỉ hành nghề Quản Lý Quỹ của SSC.
- VCBF hiện đang quản lý tổng tài sản (“AUM”) trị giá 2,762.17 tỷ VND (hai nghìn bảy trăm sáu mươi hai phẩy mười bảy tỷ đồng), tương đương 119.03 triệu USD (một trăm mười chín phẩy không ba triệu đô la Mỹ) tính đến thời điểm 30/06/2020, trong đó 518,42 tỷ VND (năm trăm mười tám phẩy bốn mươi hai tỷ đồng) thuộc 03 (ba) quỹ mở.
- VCBF thành lập bộ phận QLTS vào giữa năm 2009, dựa trên nền tảng thể mạnh quản lý tài sản toàn cầu của FTI và kinh nghiệm về thị trường trong nước có được từ sự thành công của Quỹ đầu tư vào các công ty tư nhân. Các danh mục đầu tư ủy thác từ các khách hàng tổ chức có mục tiêu đầu tư, thời hạn đầu tư và tỷ trọng trái phiếu, cổ phiếu khác nhau phù hợp với yêu cầu của từng nhà đầu tư. Danh mục ủy thác của VCBF có kết quả hoạt động thường xuyên tốt hơn so lợi nhuận tham chiếu.
- Trang thông tin điện tử của VCBF: www.vcbf.com

1.2 Ban Điều Hành của VCBF

Ông Vũ Quang Đông *Tổng Giám đốc*

Ông Đông gia nhập VCBF vào tháng 7 năm 2017. Ông giám sát tất cả các hoạt động chung và hoạt động đầu tư của Quỹ do VCBF quản lý.

Ông Đông đảm nhiệm nhiều vị trí tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“VCB”) từ năm 2002. Trước khi gia nhập VCBF, ông Đông là Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từ năm 2012.

Ông Đông là Tiến sĩ Kinh tế Tài chính của trường Đại học Georgetown, Mỹ; Thạc sĩ Kinh tế của trường Đại học Georgetown, Mỹ; Thạc sĩ Kinh tế của trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội; Cử nhân Kinh tế của trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội.

Ông Bùi Sỹ Tân

Phó Tổng Giám đốc VCBF

Ông Tân chính thức gia nhập vào VCBF từ tháng 01 năm 2016 và làm việc tại Trụ sở chính ở Hà Nội. Ông cũng là một thành viên của Hội Đồng Quản Trị.

Ông Tân làm việc tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“VCB”) từ năm 2001 và nắm giữ nhiều chức vụ trong các phòng ban của VCB. Trước khi gia nhập VCBF, ông đã có 5 năm làm công việc quản lý nguồn vốn và 9 năm làm công việc quản lý danh mục đầu tư của Vietcombank với chức danh là Phó phòng Đầu tư.

Ông Tân tốt nghiệp Đại học Leeds – Vương quốc Anh với bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh ngành tài chính loại giỏi và là cử nhân Ngân hàng – Tài chính của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

1.3 Ban Điều Hành Quỹ

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga, CFA

Giám đốc Đầu tư

Bà Nga gia nhập VCBF vào tháng 6 năm 2006 và làm việc tại Trụ sở chính ở Hà Nội.

Ngoài trách nhiệm liên quan đến quỹ mở, Bà Nga là Trưởng phòng Quản lý Danh mục phụ trách một số danh mục đầu tư cho một số nhà đầu tư tổ chức. Trước đó bà Nga là Trưởng phòng Phân tích chịu trách nhiệm giám sát, và phê duyệt các kiến nghị đầu tư của đội ngũ phân tích. Bà bắt đầu làm việc tại VCBF với vị trí chuyên viên đầu tư trong nhóm đầu tư cổ phần tư nhân, phụ trách ngành dịch vụ tài chính và hàng tiêu dùng. Bà Nga có 15 (mười lăm) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và kiểm toán.

Bà Nga có bằng Thạc sỹ Thương mại (Cao cấp), với hai chuyên ngành Tài chính ứng dụng và Kế toán, Đại học Queensland, Úc và có bằng Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán của Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Bà còn là thành viên Hiệp hội CFA Singapore.

Bà Dương Kim Anh

Phó Giám đốc Đầu tư

Bà Kim Anh bắt đầu làm việc tại VCBF tháng 6 năm 2006 và làm việc tại Trụ sở chính ở Hà Nội.

Ngoài công việc tại các quỹ mở do VCBF quản lý, bà Kim Anh là Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư, phụ trách mảng đầu tư vào tài sản cố định của các danh mục đầu tư cho nhà đầu tư tổ chức. Trước đây, bà Kim Anh chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động đầu tư của ba quỹ đầu tư cổ phần chưa niêm yết cũng như điều hành các hoạt động của Bộ phận Các hình thức đầu tư thay thế. Trước khi gia nhập VCBF, Bà Kim Anh đã làm việc cho InvestConsult Group, một tập đoàn tư vấn của Việt Nam, trong vòng 6 năm.

Bà Kim Anh có bằng Thạc sỹ Kinh tế Tài chính và Ngân hàng tại chương trình đào tạo sau đại học của trường ESCP-EAP và Đại học Paris Dauphine và bằng Cử nhân Khoa học Ứng dụng, chuyên ngành Kinh tế Bất động sản tại trường Đại học Công nghệ Queensland, Úc.

1.4 Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF

Hội đồng Quản trị VCBF bao gồm 5 thành viên đại diện cho các bên liên doanh, chịu trách nhiệm về mặt chiến lược phát triển của VCBF. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều có vai trò tích cực và có đóng góp quan trọng dựa trên nền tảng kinh nghiệm về thị trường trong nước và thế giới.

Ông Avinash D. Satwalekar, CFA

Chủ tịch Hội đồng quản trị VCBF và Đại diện vùng-Malaysia kiêm Tổng Giám đốc, Franklin Templeton Asset Management (Malaysia) Sdn. Bhd.

Ông Avinash Satwalekar chính thức trở thành Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị của VCBF vào tháng 7 năm 2017, đồng thời đảm nhiệm vị trí mới tại FTI Malaysia. Từ tháng 5/2012 đến 7/2017, ông Satwalekar là Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Đầu tư của VCBF. Ông từng là Phó Giám Đốc, Trưởng phòng Quản lý Danh mục Đầu tư và là Chuyên viên Phân tích cho Ban cố vấn danh mục đầu tư của Franklin (“FPA”) là một bộ phận của FTPA. Ông là thành viên trong ban điều hành danh mục đầu tư tăng trưởng vốn nhỏ của Franklin và là người đứng đầu trong việc quản lý các tài khoản đầu tư vốn cá nhân cho FPA.

Ông Satwalekar có bằng Cử nhân Thương mại của Đại học Bombay, Ấn Độ và bằng Thạc sỹ Tài chính của trường Wharton tại Đại học Pennsylvania. Ông là thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA) và là thành viên của cộng đồng CFA San Francisco, Mỹ.

Bà Phạm Thị An Bình

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị VCBF, Trưởng phòng Đầu tư VCB

Bà Bình chính thức trở thành Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCBF vào tháng 10 năm 2017.

Bà Bình có bằng đại học chuyên ngành Tài chính ngân hàng của Kinh tế Quốc dân Hà Nội, bằng Thạc sỹ Kinh tế Quốc tế và Kinh tế Phát triển tại trường Đại học Quốc gia Australia, Úc.

Ông Stephen Grundlingh

Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF và Giám đốc Điều hành, Trưởng bộ phận khách hàng tổ chức (quốc tế), Franklin Templeton Investments

Ông Grundlingh giữ chức vụ Thành Viên Hội Đồng Quản Trị từ tháng 11 năm 2008 và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đến tháng 7 năm 2017. Ông từng là Tổng Giám đốc của VCBF vào tháng 2 năm 2008 khi FTI trở thành cổ đông công ty.

Ông Grundlingh tốt nghiệp Cử nhân Luật và Chính trị của trường Đại học Stellenbosch, Nam Phi.

Ông Vũ Quang Đông

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc VCBF

Ông Đông gia nhập VCBF vào tháng 7 năm 2017. Ông giám sát tất cả các hoạt động chung và hoạt động đầu tư của Quỹ do VCBF quản lý.

Ông Đông đảm nhiệm nhiều vị trí tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("VCB") từ năm 2002. Trước khi gia nhập VCBF, ông Đông là Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từ năm 2012.

Ông Đông là Tiến sĩ Kinh tế Tài chính của trường Đại học Georgetown, Mỹ. Thạc sĩ Kinh tế của trường Đại học Georgetown, Mỹ, Thạc sĩ Kinh tế của trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Cử nhân Kinh tế của trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội

Ông Bùi Sỹ Tân

Phó Tổng Giám đốc VCBF

Ông Tân chính thức gia nhập vào VCBF từ tháng 01 năm 2016 và làm việc tại Trụ sở chính ở Hà Nội. Ông cũng là một thành viên của Hội Đồng Quản Trị.

Ông Tân làm việc tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("VCB") từ năm 2001 và nắm giữ nhiều chức vụ trong các phòng ban của VCB. Trước khi gia nhập VCBF, ông đã có 5 năm làm công việc quản lý nguồn vốn và 9 năm làm công việc quản lý danh mục đầu tư của Vietcombank với chức danh là Phó phòng Đầu tư.

Ông Tân tốt nghiệp Đại học Leeds – Vương quốc Anh với bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh ngành tài chính loại giỏi và là cử nhân Ngân hàng – Tài chính của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

2. CÁC BÊN LIÊN DOANH CỦA VCBF

2.1 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("VCB")

- Niêm yết trên HOSE (mã: VCB), với tổng vốn hóa 9,74 (chín phẩy bảy mươi tư) tỷ đô la Mỹ (tính đến 31/3/2020), VCB được xem là ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam trong nhiều mảng hoạt động dựa trên năng lực tài chính mạnh và dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.
- VCB là ngân hàng lớn thứ 4 tại Việt Nam với tổng tài sản trị giá gần 50 tỷ đô la Mỹ (tính đến 31/03/2020).
- VCB có mạng lưới rộng khắp với 19.319 (mười chín nghìn ba trăm mười chín) nhân viên, 1 hội sở, 552 (năm trăm năm mươi hai) chi nhánh và phòng giao dịch trên khắp cả nước.
- VCB dẫn đầu thị trường về mảng ngân hàng bán buôn tại Việt Nam và có vị trí vượt trội về mảng tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế cũng như mảng cho vay cho ngành xuất khẩu. VCB cũng dẫn đầu thị trường giao dịch ngoại hối.
- VCB thường xuyên được ghi nhận là ngân hàng được quản lý tốt nhất và minh bạch nhất tại Việt Nam, vì vậy có vị thế tốt, đặc biệt là trong điều kiện thị trường khó khăn.
- VCB đã công bố hợp tác chiến lược với Ngân hàng Mizuho vào tháng 9/2011, trong đó Mizuho mua lại 15% (mười lăm phần trăm) cổ phần của ngân hàng. Việc hợp tác chiến lược này giúp tăng cường năng lực toàn cầu cho VCB.
- website: vietcombank.com.vn

2.2 Franklin Templeton (“FTI”)

- Franklin Resources, Inc. [NYSE:BEN] là tập đoàn quản lý đầu tư hoạt động toàn cầu với tên gọi Franklin Templeton. Mục tiêu của FTI là đem lại kết quả vượt trội cho các nhà đầu tư từ việc cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư nội địa và toàn cầu cho các cá nhân, tổ chức và các quỹ đầu tư của Chính phủ tại hơn 170 quốc gia. Với những đội ngũ chuyên biệt, tập đoàn có kinh nghiệm sâu rộng về tất cả các loại tài sản bao gồm cổ phiếu, thu nhập cố định, các giải pháp đầu tư thay thế và theo đặt hàng. FTI có hơn 600 chuyên gia đầu tư được hỗ trợ bởi các đội ngũ chuyên gia quản lý rủi ro và mạng lưới giao dịch khắp toàn cầu. Với đội ngũ nhân viên tại hơn 30 quốc gia, tập đoàn có trụ sở tại California đã có hơn 70 năm kinh nghiệm đầu tư và đang quản lý tổng tài sản 580,3 tỉ đô-la Mỹ tính đến ngày 31/03/2020.
- Trong số hơn 80 quỹ nước ngoài của FTI, 17 quỹ được tổ chức Morningstar xếp hạng bốn sao và 5 quỹ được xếp hạng năm sao tính đến ngày 31/03/2020.
- Cấu trúc đa quản lý quỹ giúp FTI cung cấp dịch vụ đầu tư chuyên biệt về các loại tài sản chính và các phương thức đầu tư khác nhau được hỗ trợ bởi một nền tảng toàn cầu. Do đó, FTI cung cấp cho nhà đầu tư các cơ hội đa dạng hoá đầu tư thực sự và “kinh nghiệm của đa số với các thể mạnh đồng nhất”.
- FTI có mặt rộng khắp tại Châu Á và là một trong những quỹ đầu tư nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam. FTI thành lập quỹ Templeton Vietnam Opportunities Fund, Inc., một quỹ đóng niêm yết trên sàn chứng khoán New York giữa những năm 1990, do Tiến sỹ Mark Mobius quản lý. FTI trở thành đối tác liên doanh với VCB tại VCBF vào năm 2008.
- Website: www.franklinresources.com

3. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại Diện Quỹ được lập ra để giám sát hoạt động của VCBF và các nhà cung cấp dịch vụ với đại đa số thành viên độc lập với VCBF và với Ngân Hàng Giám Sát để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư. Vai trò và chức năng của Ban Đại Diện Quỹ được điều chỉnh bởi Luật và Điều lệ (như được tóm tắt ở Mục XVII).

Ban Đại Diện Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra bằng phương pháp lấy ý kiến trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng và trong các kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Các ứng cử viên của Ban Đại Diện Quỹ như sau:

1. Ông Mạc Quang Huy – Thành viên độc lập - Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

Ông Huy là một chuyên gia tài chính với trên 23 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính và ngân hàng đầu tư. Trước đây, Ông từng là Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV), Phó Tổng Giám đốc trực tiếp tham gia điều hành mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và sau đó phụ trách mảng Dịch vụ Chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (TLS), nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán MB, và đảm nhiệm nhiều vị trí cao cấp tại các ngân hàng đầu tư lớn trên thế giới như Lehman Brothers, Nomura tại Nhật Bản và Australia. Ông Huy còn có 09 năm kinh nghiệm làm việc tại KPMG Việt Nam và Anh

Quốc với tư cách là Giám đốc Kiểm toán các ngân hàng và Giám đốc Cao cấp phụ trách mảng Tư vấn tài chính của KPMG Việt Nam.

Ông Huy là thạc sỹ MBA tại trường Herriot Watt, UK (2006), hội viên của Hiệp hội Chứng khoán và Đầu tư Công chứng Anh Quốc (CISI). Ông Huy hiện là hội viên Hội Kế toán viên Công chứng Anh Quốc (ACCA) kiêm Thành viên của Ủy ban Hội viên ACCA Việt Nam (nhiệm kỳ 2018-2019).

2. Bà Nguyễn Thị Thủy – Thành viên độc lập

Bà Thủy có hơn 21 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán, tư vấn tài chính và thuế. Bà đang công tác tại IBM Việt Nam với cương vị Kế toán trưởng. Trước khi gia nhập IBM Việt Nam, bà Thủy đã kinh qua nhiều vị trí và trải nghiệm nhiều loại hình công việc trong lĩnh vực kế toán, tư vấn thuế, tài chính. Bà cũng tham gia giảng dạy nhiều khóa học về kế toán tài chính, kế toán quản trị và thuế.

Bà là hội viên Hiệp hội kế toán công chứng Anh ACCA. Bà có bằng cử nhân kế toán các ngành sản xuất, Học Viện Tài Chính, Việt Nam.

3. Ông Phạm Ngọc Ninh – Thành viên

Ông Ninh có 10 năm kinh nghiệm về tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp. Ông Ninh gia nhập VCBF vào tháng 8/2016 và được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Pháp chế và Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ. Trước đó, Ông Ninh là Phó Phòng Pháp chế và tuân thủ pháp luật của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Fubon Việt Nam.

Ông Ninh tốt nghiệp thạc sỹ luật trường đại học Vũ Hán (Trung Quốc). Ông Ninh đã có thẻ Luật sư của Bộ Tư pháp Việt Nam và là thành viên của U.S. Life Office Management Association.

4. NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

4.1 Ngân Hàng Giám Sát và Lưu ký

Ngân hàng: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Giấy phép thành lập do Ngân hàng Nhà nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015
Địa chỉ liên hệ: P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 84 24 39368000 Fax: 84 24 32484355

được chỉ định để cung cấp dịch vụ bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quý, hợp đồng kinh tế, và các tài liệu khác liên quan đến tài sản của Quý; giám sát hoạt động của Quý; giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quý do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Ngân Hàng Giám Sát phải độc lập với Công ty Quản lý Quỹ, có các nhân viên đủ trình độ, năng lực để thực hiện các nghĩa vụ pháp lý trong vai trò của mình và đảm bảo rằng tất cả tài sản của Quý được đăng ký và lưu ký đầy đủ.

Ngân hàng Lưu ký sẽ lưu ký tất cả chứng khoán và các công cụ khác thuộc về Quý một

cách an toàn để đảm bảo các việc mua bán các chứng khoán và các công cụ khác được thực hiện một cách suôn sẻ và kịp thời khi cần thiết để bảo vệ lợi ích tốt nhất của nhà đầu tư, và đảm bảo rằng tất cả các quyền lợi liên quan đến tài sản được bảo vệ. Ngân Hàng Lưu Ký sẽ thu phí từ Quỹ theo hợp đồng dịch vụ lưu ký.

4.2 Đại Lý Phân Phối

Danh sách Đại Lý Phân phối và các Điểm Nhận Lệnh có thể thay đổi bất kỳ lúc nào sau khi hoàn thành các thủ tục thông báo tới UBCK theo quy định của Pháp Luật. Danh sách Đại lý Phân phối ban đầu dự kiến như sau:

- 1. Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (“VCBF”)**
Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- 2. Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam**
Địa chỉ: Tầng 12, tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- 3. Công ty Cổ phần FINCORP**
Địa chỉ: Tòa nhà Bcons, 4A/167A Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Đăng ký kinh doanh số: 0314127430 do Sở KHĐT TP. HCM cấp lần đầu vào ngày 23/11/2016.

Danh sách các Điểm Nhận Lệnh được liệt kê ở Phụ Lục 1 của Bản Cáo Bạch. Mọi thay đổi về danh sách Đại Lý Phân Phối, Điểm Nhận Lệnh sẽ được thông báo trên website của VCBF tại: <https://www.vcbf.com/>

4.3 Công ty Kiểm toán

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại Diện Quỹ như được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.

4.4 Tư Vấn Pháp lý

Công ty Luật TNHH Baker & McKenzie (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội
Phòng 1001, tầng 10, Indochina Plaza Hà Nội
241 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
Đăng ký kinh doanh số: 81/BTP/GP do Bộ Tư Pháp cấp ngày 10 tháng 8 năm 2009 .

4.5 Tài Khoản Giao Dịch Chứng Khoán

Quỹ mở tài khoản giao dịch chứng khoán ở các công ty chứng khoán sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
72 Nguyễn Huệ,
Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Đăng ký kinh doanh số: 03/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 2 năm 2002

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt



67 Hàm Nghi
Phường Nguyễn Thái Bình
Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Đăng ký kinh doanh số: 068/UBCK-GP ngày 06 tháng 11 năm 2007

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tầng 17, Cao ốc Vietcombank
198 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Đăng ký kinh doanh số: 09/GPHDKD ngày 24 tháng 4 năm 2002

Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt
Số 8 Lê Thái Tổ,
Hà Nội,
Giấy phép thành lập 01/GPHDKD ngày 26 tháng 11 năm 1999

Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam
Tầng 10 tháp BIDV,
35 Hàng Vôi,
Hà Nội
Giấy phép thành lập số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010

Công ty cổ phần chứng khoán MB (MBS)
Số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội

Công ty cổ phần chứng khoán Kỹ Thương
Tầng 10 + 21, Techcombank Tower -191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà
Trung, Hà Nội

4.6 Đại Lý Được Ủy Quyền

4.6.1 Đại Lý Chuyển Nhượng

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Địa chỉ: 15 Đoàn Trần Nghiệp, phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: + 84 24 39747113 Fax: + 84 24 39747120
Đăng ký kinh doanh số: 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính Phủ

4.6.2 Quản Trị Quỹ

Ngân hàng: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Giấy phép thành lập do Ngân hàng Nhà nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015
Địa chỉ liên hệ: P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 84 24 39368000 Fax: 84 24 32484355

XIV. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

VCBF có nghĩa vụ, theo Điều lệ và theo thông lệ quốc tế tốt nhất, tại mọi thời điểm hoạt động vì lợi ích của nhà đầu tư và quản lý một cách công bằng, minh bạch đối với tất cả các quỹ do Công ty quản lý. Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công Ty sẽ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát các xung đột lợi ích thực tế hoặc có khả năng xảy ra. Trong trường hợp xung đột lợi ích phát sinh, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại Diện Quỹ để thống nhất phương án khắc phục nhằm giảm thiểu hoặc quản lý các xung đột đó.

Giao dịch với người có liên quan của VCBF sẽ cấu thành xung đột lợi ích tiềm tàng. Người Có Liên Quan của VCBF bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB), Công ty Franklin Templeton Investments Singapore (“FTI”), thành viên Hội Đồng Quản Trị của VCBF, thành viên Ban Điều Hành (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc) của VCBF và các tổ chức, cá nhân khác được coi là người có liên quan của VCBF theo quy định của Pháp Luật. Quỹ có thể có một số giao dịch với các bên được coi là người có liên quan của VCBF như sau:

Bảng 8: Giao Dịch Với Người Có Liên Quan

Tên của người có liên quan trong giao dịch	Bản chất giao dịch	Bản chất quan hệ
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (“VCBS”)	Giao dịch chứng khoán	“VCBS” là công ty chứng khoán 100% thuộc quyền sở hữu của VCB và VCB sở hữu 51% của VCBF
Vietcombank (“VCB”)	Gửi tiền có kỳ hạn Phân phối chứng chỉ quỹ	VCB sở hữu 51% vốn của VCBF
Công ty Franklin Templeton Investments (“FTI”)		FTI sở hữu 49% vốn của VCBF

Trong tất cả các trường hợp, các giao dịch phải là giao dịch công bằng và vì lợi ích của nhà đầu tư.

Tất cả các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích tiềm tàng phải được tư vấn và chấp thuận bởi VCBF và phải được công bố cho nhà đầu tư. Tuy nhiên VCBF sẽ cố gắng hết sức để tránh các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích mà không thể quản lý được một cách thích đáng.

Người có liên quan của VCBF được phép giao dịch Đơn Vị Quỹ theo phương thức giống như các nhà đầu tư khác như quy định tại Phần X.

Theo Pháp Luật, tất cả các giao dịch Đơn Vị Quỹ của Ban Điều Hành và nhân viên phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và sau khi thực hiện giao dịch.

XV. THUẾ

Thông tin cung cấp ở đây chỉ cho mục đích chung và được dựa trên các quy định Pháp Luật và thực tiễn hiện đang áp dụng tại Việt Nam, và không thể được coi là tư vấn liên quan đến các vấn đề về thuế hoặc pháp luật của việc đầu tư của nhà đầu tư hoặc Nhà đầu tư vào Quỹ. Nhà đầu tư và Nhà đầu tư cần nhận thức rằng các quy định về thuế có liên quan và việc diễn giải các quy định này có thể thay đổi. Không có sự đảm bảo rằng quy định về thuế hiện hành tại thời điểm đầu tư vào các Đơn Vị Quỹ sẽ tồn tại vô hạn định.

Do các quy định về thuế áp dụng cho từng cá nhân cụ thể, từng nhà đầu tư /Nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến tư vấn của các nhà tư vấn thuế chuyên nghiệp của mình đối với các nghĩa vụ thuế cụ thể và những vấn đề về tài chính của việc đầu tư vào Quỹ.

Bản tóm tắt sau đây phác thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với nhà đầu tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012, Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2013, Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014; Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 được sửa đổi bởi Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2006; Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 08 năm 2014, Thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014, Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 26 tháng 03 năm 2018; Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 được sửa đổi bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 08 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Tài chính, Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2016, Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 26 tháng 03 năm 2018; và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010.

Bảng 9: Tóm tắt các loại thuế áp dụng cho các nhà đầu tư

Nhà đầu tư	Thuế đối với nhà đầu tư phát sinh từ		
	Cổ tức	Bán lại Đơn Vị Quỹ	Quà tặng/ Thừa kế
Cá nhân cư trú	5% (*)	0,1% giá trị giao dịch(*)	10% x giá trị chứng khoán cao hơn 10 triệu VND
Cá nhân không cư trú	5% (*)	0,1% giá trị giao dịch (*)	10% x giá trị chứng khoán cao hơn 10 triệu VND
Nhà đầu tư là tổ chức trong nước	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế (*)	Lợi nhuận từ việc bán Đơn Vị Quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế của nhà đầu tư tổ chức chịu thuế suất 20%	Lợi nhuận từ Quà tặng/ Thừa kế Đơn Vị Quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế của



			nhà đầu tư tổ chức chịu thuế suất 20%
Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài	20% ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế (*)	0,1% giá trị giao dịch (*)	0,1% giá trị giao dịch (**)
<p>(*) Khấu trừ thuế tại nguồn (**) Không có quy định cụ thể về việc đánh thuế nhà đầu tư tổ chức nước ngoài nhận quà tặng/ thừa kế dưới hình thức chứng khoán. Tuy nhiên, việc nhận quà tặng/ thừa kế sẽ dẫn đến giao dịch chuyển nhượng chứng khoán. Theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC, mức thuế đánh trên giao dịch chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% giá trị chuyển nhượng của chứng khoán. Tuy vậy, theo công văn số 5308/CT-TTHT ngày 13/7/2012 và công văn số 5929/CT-TTHT ngày 7/8/2012 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh hướng dẫn Thông tư 60/2012/TT-BCT ngày 12/04/2012 (hiện nay đã hết hiệu lực và bị thay thế bởi Thông tư 103/2014/TT-BTC), giao dịch nhận quà tặng/ thừa kế dưới dạng chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài sẽ chịu một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 5%. Tuy nhiên, nếu xem xét một cách chặt chẽ, thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 5% chỉ đánh trên các thu nhập phát sinh từ “dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm và cho thuê dân khoan” được quy định tại cả Thông tư 60/2012/TT-BCT đã hết hiệu lực và Thông tư 103/2014/TT-BTC hiện hành. Vì vậy, chưa có cơ sở pháp lý chắc chắn cho việc áp mức thuế 5% trong các công văn nói trên. Do đó, mức thuế cụ thể có thể sẽ phụ thuộc vào hướng dẫn của Cơ quan thuế.</p>			

Thuế suất cho nhà đầu tư như nêu tại Bảng 9 nêu trên chỉ mang tính mô tả về thuế theo Pháp luật hiện hành. Nhà đầu tư phải tự tìm hiểu về mức thuế thực áp dụng đối với trường hợp của mình và việc thu thuế tại nguồn sẽ được thực hiện phù hợp với Pháp luật áp dụng tại thời điểm đóng thuế, mức thuế này có thể khác biệt so với quy định nêu tại Bảng 9 nêu trên. Không có một thông báo nào về việc khác biệt giữa mức thuế phải đóng với mức thuế như nêu tại Bảng 9 sẽ được đưa ra, nhà đầu tư phải tự xin ý kiến tư vấn về thuế về trường hợp của mình.

XVI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Năm Tài Chính của Quỹ kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

1. BÁO CÁO CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Hàng tháng, quý, năm VCBF sẽ gửi thống kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, tài khoản phụ, báo cáo giá trị NAV và các thay đổi NAV của Quỹ và các báo cáo khác theo luật định cho Nhà đầu tư.

Đối với nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, VCBF sẽ gửi thống kê giao dịch và sao kê tài khoản phụ nếu Nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản. Thời hạn cung cấp thông tin là trong vòng 5 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư.

2. BÁO CÁO QUỸ

VCBF sẽ công bố hoặc cung cấp cho nhà đầu tư các thông tin sau:

- (a) Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán ;
- (b) Báo cáo hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ, theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu do SSC quy định.
- (c) Báo cáo thống kê chi phí giao dịch của hoạt động đầu tư của quỹ hàng năm và bán niên.
- (d) Báo cáo tài chính của Quỹ theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu SSC quy định.
- (e) Báo cáo hoạt động của quỹ và thống kê chi phí giao dịch cũng sẽ được bổ sung vào Bản cáo bạch cập nhật sau một năm hoạt động và sẽ được cập nhật ít nhất một lần một năm.

3. BÁO CÁO BẤT THƯỜNG

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho nhà đầu tư trong trường hợp có những diễn biến hoặc hoạt động bất thường của Quỹ phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các báo cáo về việc phân phối lợi nhuận, báo cáo trước khi hợp nhất hoặc sát nhập quỹ hay sau các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư uỷ quyền cho Ban Đại Diện Quỹ.

4. GỬI BÁO CÁO

Các báo cáo sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử của VCBF, hoặc gửi trực tiếp đến địa chỉ thư điện tử của Nhà đầu tư. Các báo cáo sẽ được cung cấp tới các Đại Lý Phân Phối nếu có yêu cầu. Công bố thông tin sẽ được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính bán niên; và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nhà đầu tư có quyền yêu cầu từ chối nhận các báo cáo này.

XVII. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ

Điều Lệ của Quỹ bao gồm 13 (mười ba) chương, 64 (sáu mươi tư) điều và 3 (ba) phụ lục. Nội dung của Điều Lệ được tóm tắt như sau:

Chương I: Các quy định chung

Chương này cung cấp thông tin liên quan đến tên, địa chỉ, nguyên tắc tổ chức của Quỹ, đại diện theo pháp luật của Quỹ, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát của Quỹ. Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng) khi thành lập và mỗi Đơn Vị Quỹ có cùng mệnh giá 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng).

Chương II: Quy định về mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư

Chương này quy định các mục tiêu, chiến lược và hạn mức đầu tư, hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ và phương pháp lựa chọn đầu tư. Nội dung của các quy định tại chương này cũng được quy định cụ thể tại Chương VI và Chương VII của Bản Cáo Bạch này.

Chương III: Nhà đầu tư, Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư, Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư đều được quy định cụ thể tại Chương này. Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư chính hay còn gọi là Sổ Chính là tài liệu chứng nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với Chứng Chỉ Quỹ, lưu những thông tin cần thiết về Nhà đầu tư và số lượng Đơn Vị Quỹ họ sở hữu. Thông tin về giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, phí dịch vụ, giá bán và mua lại Đơn Vị Quỹ được quy định chi tiết tại Điều 16 và Điều 18 của Điều Lệ. Nội dung của 2 điều này cũng được phản ánh tại Chương X và Chương XII của Bản Cáo Bạch.

Chương IV: Đại Hội Nhà Đầu Tư

Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại Hội Nhà Đầu Tư. Tất cả Nhà Đầu Tư trong Sổ Đăng Ký đều có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên hoặc bất thường. Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức vào hoặc trước ngày 30 tháng 4 hàng năm. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường có thể được tổ chức theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc Ban Đại Diện Quỹ hoặc Nhà Đầu Tư hoặc nhóm nhà đầu tư nắm giữ ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành. Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được tiến hành khi có sự tham gia của Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50,0% (năm mươi phần trăm) của tổng số Đơn Vị Quỹ có quyền biểu quyết. Nếu trong thời gian hợp lý ít nhất 30 (ba mươi) phút kể từ thời gian dự kiến tiến hành đại hội hoặc một thời hạn khác được nêu trong thông báo mời họp mà số lượng tham dự cần thiết không đủ, đại hội sẽ không được tiến hành. Trong trường hợp cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, cuộc họp đại hội lần thứ hai sẽ được tiến hành trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất dự định khai mạc mà không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham gia.

Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, Nhà Đầu Tư có quyền:

- a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ;
- b. Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
- c. Chia, tách, sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ, giải thể Quỹ; thay đổi thời gian hoạt động của Quỹ;
- d. Quyết định phương án phân phối lợi tức;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
- f. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
- g. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
- h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề nêu tại điểm b, c, d, e, f, g nêu trên nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.

Chương V: Ban Đại Diện Quỹ

Ban Đại Diện Quỹ được thành lập để đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư và quyết định các vấn đề khác theo ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ có tối thiểu 3 (ba) thành viên và tối đa là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba thành viên độc lập. Thành viên của Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng các tiêu chí bao gồm có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực nêu trên.

Ban Đại Diện Quỹ sẽ thông qua danh sách tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định NAV; danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư; các giao dịch tài sản của Quỹ theo phương thức thỏa thuận và/hoặc các giao dịch khác mà cần phải có sự phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định pháp luật, quyết định mức lợi nhuận phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận; các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phù hợp với quy định của Pháp Luật; yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát; các quyền và nghĩa vụ khác theo đúng quy định pháp luật.

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp thông tin về Quỹ và về quá trình thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư từ Công Ty Quản Lý Quỹ. Thành viên của Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong một trong những trường hợp sau:

- a. Bãi miễn theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b. hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
- c. vi phạm một cách nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 2 (hai) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;
- d. không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều Lệ Quỹ, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc các nguyên nhân khác theo quy định của Luật để thực hiện vai trò là thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc
- e. bị buộc tội hoặc truy tố, hoặc bất kỳ nguyên nhân nào khác mà có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ

Một cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba thành viên có mặt, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm tỷ lệ trên 50% (năm mươi phần trăm). Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ, rõ ràng vào biên bản. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ dự họp, thư ký cùng ký tên vào biên bản cuộc họp của Ban Đại

Diện Quỹ. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ quy định pháp luật.

Chương VI. Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank, được thành lập theo giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 5 tháng 12 năm 2005 là Công Ty Quản Lý Quỹ của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm phải đáp ứng các yêu cầu:

- Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
- Độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;
- Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở;
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ.

Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm, hoạt động một cách công bằng và trung thực cho Quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong các trường hợp mà xung đột lợi ích là không thể tránh khỏi. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và ban quản trị của mình có đầy đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà đầu tư và tuân thủ Điều lệ, Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất.

Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để tái đầu tư vào chính Quỹ đó; sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ đại chúng khác hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác mà mình quản lý; sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc đảm bảo bất kỳ khoản vay nào của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc bất kỳ người liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho mình hoặc cho người liên quan hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc pháp nhân nào khác; thực hiện bất cứ hoạt động vi phạm Pháp Luật nào khác.

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:

- Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; hoặc
- Giấy phép thành lập và hoạt động bị thu hồi; hoặc
- Hợp nhất hoặc sáp nhập với một công ty khác mà quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ không được chuyển giao đầy đủ cho công ty kế thừa của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo đó được chấm dứt.

Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ như sau:

Chi phí bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
3,0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại

Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Chương VII: Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
2. Phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát;
3. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng (sau đây gọi tắt là nhân viên nghiệp vụ) không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và ngược lại;
4. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
5. Có đầy đủ năng lực và đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký theo quy định pháp luật tại từng thời điểm; và
6. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ.

Ngân Hàng Giám Sát tại bất kỳ thời điểm nào phải hoạt động vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, giám sát việc quản lý tài sản của Quỹ và đảm bảo và chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với tài sản của Quỹ trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức lưu ký phụ. Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và hệ thống quản trị có đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư và tuân thủ theo Pháp Luật, Điều Lệ và Hợp Đồng Giám Sát.

Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- b. Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
- c. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
- d. Quỹ bị giải thể, chia tách, hợp nhất, sáp nhập;
- e. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và theo Hợp đồng giám sát.

Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám sát phải có thông báo trước ít nhất chín mươi ngày (90) cho Công Ty Quản Lý Quỹ.

Ngân Hàng Giám Sát chỉ có thể chấm dứt hợp đồng giám sát nếu việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát cho ngân hàng giám sát mới do Quỹ lựa chọn được hoàn thành

Chương VIII: Các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyên nhượng. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.

Chương IX: Đại Lý Phân Phối

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ nếu tổ chức đó đáp ứng các điều kiện sau:

- (a) Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN;
- (b) Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật;
- (c) Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.

Hoạt động và nguyên tắc phân phối chứng chỉ quỹ được quy định chi tiết tại Điều 45 và 46 của Điều Lệ.

Chương X: Kiểm toán, Kế toán và chế độ Báo cáo

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn và Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền. Đồng tiền sử dụng trong kế toán và giao dịch của Quỹ là Đồng Việt Nam. Năm tài chính của Quỹ được xác định là năm dương lịch kết thúc ngày 31 tháng 12. Nếu Quỹ hoạt động dưới 3 (ba) tháng trong năm đầu tiên, năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Chương XI: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm tính toán NAV nhưng cũng có thể ủy quyền cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Phương pháp xác định NAV được đưa ra dựa trên hướng dẫn định giá được Công Ty Quản Lý Quỹ lập và được Ngân Hàng Giám Sát chấp nhận. Sổ tay định giá quy định các nguyên tắc định giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, chứng khoán phái sinh và các tài sản khác. Những thay đổi trong hướng dẫn định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ đồng ý. Một Hội Đồng Định Giá sẽ được Công Ty Quản Lý

Quỹ lập ra để xác định giá hợp lý trong trường hợp hướng dẫn định giá không có quy định hoặc quy định không rõ ràng.

Ngân Hàng Giám Sát phải xác nhận NAV và NAV trên một Đơn Vị Quỹ. Nhà đầu tư sẽ được bồi thường thiệt hại trong trường hợp các giao dịch được thực hiện dựa trên NAV không chính xác với sai số trên 0,75% (không phẩy bảy mươi lăm phần trăm) cho Quỹ trái phiếu và trên 1,0% (một phần trăm) cho Quỹ khác. Khi Quỹ bị định giá sai và gây thiệt hại cho Nhà đầu tư, Nhà đầu tư sẽ được Quỹ đền bù. Nếu Quỹ chịu thiệt hại, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ phải đền bù cho Quỹ.

Chương XII: Lợi nhuận và chi phí của Quỹ

Lợi nhuận được phân phối theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có sẵn lợi nhuận để phân phối và sau khi được Ban Đại Diện Quỹ thông qua. Lợi nhuận có thể được trả bằng tiền hoặc để Nhà đầu tư tái đầu tư vào Quỹ. Nhà đầu tư có quyền ghi rõ sự lựa chọn của mình là nhận tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ trong đơn đăng ký. Chi phí hoạt động của Quỹ được quy định chi tiết tại Điều 58 của Điều Lệ. Chương XII.2 của Bản Cáo Bạch cũng cung cấp thông tin chi tiết liên quan đến chi phí hoạt động của Quỹ.

Chương XIII: Các quy định khác

Hợp nhất, sát nhập hoặc chia tách Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua. Quỹ có thể được thanh lý và giải thể nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định như vậy hoặc nếu NAV của Quỹ giảm xuống dưới 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng) trong vòng 6 (sáu) tháng liên tiếp.

Công Ty Quản Lý Quỹ phải hành động một cách công bằng đối với tất cả Quỹ, và thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro để theo dõi và giám sát xung đột lợi ích thực tế và có khả năng xảy ra. Trong trường hợp nảy sinh xung đột lợi ích, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại Diện Quỹ và thống nhất về phương thức xử lý để giảm nhẹ hoặc kiểm soát xung đột đó.

Sửa đổi và bổ sung Điều Lệ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trừ trường hợp việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của Pháp Luật hoặc chính sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều Lệ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Điều Lệ Quỹ có hiệu lực trong thời gian không xác định.

XVIII. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Cơ sở pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của Quỹ là các văn bản pháp lý sau:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;

- Thông tư 99/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư 198/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán áp dụng cho quỹ mở
- Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam ; và
- Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 127/2018/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

XIX. LIÊN LẠC

Để biết thêm thông tin chung, xin liên hệ:

Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng khoán Vietcombank

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank

198 Trần Quang Khải

Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3 936 4540

Fax: (84-24) 3 936 4542

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 14, Tòa nhà Centec

72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3 8270 750

Fax: (84-28) 3 8270 751

Với các câu hỏi về sản phẩm và dịch vụ, xin liên hệ:

Nhân viên Quan hệ Khách hàng

Email: Investor@vebf.com hoặc NhaDauTu@vebf.com

Điện thoại: (84-28) 3 8270 750

XX. CAM KẾT

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ở đây và các tài liệu đính kèm.

**CÔNG TY LIÊN DOANH QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
VIETCOMBANK**

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



Vũ Quang Đông
Tổng Giám Đốc



Vũ Hương Giang
Trưởng phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ



PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM PHÂN PHỐI VÀ NHẬN BẢN CÁO BẠCH

STT	Tên Đại lý phân phối	Địa chỉ trụ sở/địa điểm phân phối	Số Giấy phép/ Quyết định thành lập và hoạt động
1	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Tầng 12 – 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quyết định số 09/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ngày 24/04/2002.
2	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Lầu 1 và Lầu 7, toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.	Quyết định số 70/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ngày 17/06/2002.
3	Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 14, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 850/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ngày 28/12/2006.
4	Công ty Cổ phần FINCORP	Tòa nhà Bcons, 4A/167A Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	Giấy chứng nhận số 01/GCN-UBCK của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ngày 02/04/2018.



